

Phụ lục 01
Danh mục 104 thủ tục hành chính thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nội vụ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

							CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THỜI GIAN CẮT GIẢM (GHI RÕ ĐƠN VỊ TÍNH: GIỜ/NGÀY/NGÀY LÀM VIỆC Ở TỪNG BƯỚC)																	
							TIẾP NHẬN		CHUYÊN VIÊN XỬ LÝ		LÃNH ĐẠO CHUYÊN MÔN (<i>Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Chi cục</i>)		LÃNH ĐẠO CƠ QUAN (<i>Sở/Xã</i>)		LẤY Ý KIẾN (<i>bao gồm các bước có lấy ý kiến, niêm yết công khai, tập hội đồng thẩm định</i>)		KIỂM TRA THỰC ĐỊA		CƠ QUAN THUẾ, BHXH, Bộ CHQS tỉnh, Công an tỉnh; Bộ Nội vụ; Ban thường vụ Tỉnh ủy		VĂN PHÒNG UBND TỈNH		VĂN THƯ VÀO SỔ TRẢ KẾT QUẢ	
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết hiện nay	Đơn vị tính	TỔNG THỜI GIAN CÒN LẠI SAU KHI CẮT GIẢM	TỶ LỆ BÌNH QUÂN ĐÃ CẮT GIẢM	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm		
1	1.013018.H21	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhân thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ.	60	Ngày	37	23	38,33%	0,5	0,5	43,5	24,5	5	3	3	2					7	6	1	1	
2	1.013709.H21	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	30	Ngày làm việc	21	9	30,00%	0,5	0,5	20	16	5	2	4	2							0,5	0,5	
3	1.010774.H21	Cấp bằng "Quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tô quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm	212	Ngày	71,5	140,5	65,63%	0,5	0,5	25,5	15	15	8	5,5	3,5	80	20	80	20	5	4	0,5	0,5	
		110	Ngày	37	73	0,5		0,5	13,5	7	5,5	2,5	3,5	1,5			80	20	5	4	2	1,5		
		85	Ngày	34	51	0,5		0,5	11	5,5	5	2	3	1,5			60	20	5	4	0,5	0,5		
		225	Ngày	72,5	152,5	0,5		0,5	47,5	19	5	3	3,5	2,5	80	20	80	20	5	4	3,5	3,5		
		217	Ngày	70	147	0,5		0,5	39,5	16,5	5	3	3,5	2,5	80	20	80	20	5	4	3,5	3,5		
4	2.001717.000.00.00.H21	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	15	Ngày làm việc	7	8	53,33%	0,5	0,5	6	1	1,5	1	1,5	1					4	3	0,5	0,5	
5	1.003999.000.00.00.H21	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh	15	Ngày làm việc	7	8	53,33%	0,5	0,5	6,5	1	1,5	1	1	1					4	3	0,5	0,5	
6	2.001683.000.00.00.H21	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	45	Ngày làm việc	18	27	60,00%	0,5	0,5	34,5	10	2,5	2	2	1,5					4,5	3,5	0,5	0,5	
7	1.004964.000.00.00.H21	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Cam-pu-chi-a	20	Ngày làm việc	11,5	8,5	42,50%	0,5	0,5	3,5	2,5	1,25	0,5	1	0,5	10	5			2,5	2	1,25	0,5	
8	1.000436.000.00.00.H21	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	17	Ngày làm việc	12	5	29,41%	0,5	0,5	7	3,5	1	1	1	1					6,5	5	1	1	
9	1.000464.000.00.00.H21	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	22	Ngày làm việc	15	7	31,82%	0,5	0,5	11	5,5	2	2	1	1					6,5	5	1	1	
10	1.000414.000.00.00.H21	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	10	Ngày làm việc	6,5	3,5	35,00%	0,5	0,5	2,5	1	1	1	0,5	0,5					4,5	3	1	0,5	
11	1.000479.000.00.00.H21	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	27	Ngày làm việc	16	11	40,74%	0,5	0,5	14	5	3	3	2	1,5					6,5	5	1	1	
12	1.000448.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	22	Ngày làm việc	15	7	38,13%	0,5	0,5	11	6	2	1,5	1	1					6,5	5	1	1	
			27	Ngày làm việc	15	12		0,5	0,5	17	6	3	3	2	1,5			3,5	3	1	1			
13	2.000839.000.00.00.H21	Giải quyết hỗ trợ học nghề	20	Ngày làm việc	9,5	10,5	52,50%	0,5	0,5	1	0,5	1	0,75	1	0,75	15	6					2	1	
14	1.001978.000.00.00.H21	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	20	Ngày làm việc	10,5	9,5	47,50%	0,5	0,5	0,5	0,5	1	0,75	1	0,75	15	7					2	1	

15	1.001881.000 .00.00.H21	Giai quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng năng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	30	Ngày làm việc	17	13	43,33%	0,5	0,5	18	10	3	1	3	1					4,5	3,5	1	1
16	2.000111.000 .00.00.H21	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	20	Ngày làm việc	11	9	45,00%	0,5	0,5	9	4,5	3	1,5	2	1				5	3		0,5	0,5
17	1.005450.000 .00.00.H21	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương)	25	Ngày	13	12	48,00%	0,5	0,5	20	10	2	1	2	1							0,5	0,5
18	1.005449.000 .00.00.H21	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương)	25	Ngày	12	13	52,00%	0,5	0,5	20	9	2	1	2	1							0,5	0,5
19	1.000502.000 .00.00.H21	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,5	2	1,5	1,5	1	0,5	0,25							0,5	0,25
20	2.001955.000 .00.00.H21	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,5	4	2,75	1	0,5	1	0,5							0,5	0,5
21	2.001396.000 .00.00.H21	Trợ cấp hàng tháng đối với thành niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	15	Ngày làm việc	8,5	6,5	43,33%	0,5	0,5	5,5	2,5	2	1	1	0,5					4,5	3,5	1,5	0,5

22	2.001157.000 .00.00.H21	Trợ cấp một lần đối với thành niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	15	Ngày làm việc	8	7	46,67%	0,5	0,5	5,5	2	2	1	1	0,5							4,5	3,5	1,5	0,5
23	1.001865.000 .00.00.H21	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc lâm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc lâm	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	1,5	1	1	0,5	0,5	0,5							2,5	2	1	0,5
24	1.001853.000 .00.00.H21	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc lâm của doanh nghiệp hoạt	5	Ngày làm việc	4,25	0,75	20,00%	0,5	0,25	0,5	0,5	1	0,5	0,5	0,5							1,5	1,5	1	1
			8	Ngày làm việc	5	3		0,5	0,5	2	1	2	1	1	0,5							1,5	1,5	1	0,5
25	1.001823.000 .00.00.H21	Già hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc lâm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc lâm	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,25	0,5	0,5	1	0,5	0,5	0,5							1,5	1	1	0,5
26	2.002105.000 .00.00.H21	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mang đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	10	Ngày làm việc	6	4	40,00%	0,5	0,5	5	3	2	1	2	1									0,5	0,5
27	1.005132.000 .00.00.H21	Đăng ký hợp đồng nhân lao động thực tập dưới 90 ngày	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,5	2	1,5	1,5	1	0,5	0,25									0,5	0,25
28	2.002341.000 .00.00.H21	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động.	10	Ngày làm việc	6	4	40,00%	0,5	0,5	2,5	1,5	1	0,5	0,5	0,5					5	2,5			0,5	0,5
29	2.002343.000 .00.00.H21	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	10	Ngày làm việc	6	4	40,00%	0,5	0,5	2,5	1,5	1	0,5	0,5	0,5					5	2,5			0,5	0,5
30	1.009466.000 .00.00.H21	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	20	Ngày làm việc	12	8	40,00%	0,5	0,5	9	5	2	1	1	0,5							6,5	4	1	1
31	1.009467.000 .00.00.H21	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể.	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,5	0,5	1,5	1	1	0,5	0,5	0,5							2,5	1,5	1	0,5
32	1.009874.000 .00.00.H21	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc lâm	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,5	0,25	1,5	1	1	0,5	1	0,5							2,5	2	0,5	0,25

33	1.005219.000.00.00.H21	Hỗ trợ cho người lao động thuộc đối tượng là người bị thu hồi đất nông nghiệp đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	10	Ngày làm việc	6	4	40,00%	0,5	0,5	5	3	2	1	2	1							0,5	0,5
34	1.010810.000.00.00.H21	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	128	Ngày	31	97	75,78%	0,5	0,5	20	10	3,5	2,5	2,5	1,5	100	15					1,5	1,5
35	1.010806.000.00.00.H21	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	84	Ngày	25,5	58,5	69,64%	0,5	0,5	16	6	4	2	2	1	60	15					1,5	1
36	1.010815.000.00.00.H21	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	37	Ngày	18	19	51,35%	0,5	0,5	10,5	4	3,5	1,5	1,5	1			20	10			1	1
37	1.010813.000.00.00.H21	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quán lý về nuôi dưỡng tại gia đình	10	Ngày làm việc	5	5	50,00%	0,5	0,25	6,5	3	1,5	1	1	0,5							0,5	0,25
38	1.010820.000.00.00.H21	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	17	Ngày	11	6	35,29%	0,5	0,5	12	6,5	2	2	1,5	1							1	1
39	1.010802.000.00.00.H21	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ	17	Ngày	9	8	48,50%	0,5	0,5	10	4	3,5	2	1,5	1							1,5	1,5
			12	Ngày	6	6		0,5	0,5	7,5	3	2,5	1	1	1							0,5	0,5
40	1.010822.000.00.00.H21	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hàng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	12	Ngày	6	6	50,00%	0,5	0,5	8	3,5	2	1	1	0,5							0,5	0,5
41	1.010823.000.00.00.H21	Hưởng lại chế độ ưu đãi	12	Ngày	6	6	50,00%	0,5	0,5	8	3,5	2	1	1	0,5							0,5	0,5
42	1.010811.000.00.00.H21	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình,	35	Ngày	19,5	15,5	43,57%	0,5	0,5	21	9	4	3	3,5	2	5	4					1	1
			7	Ngày	4	3		0,5	0,5	4,5	1,5	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
43	1.010812.000.00.00.H21	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tình quán lý	12	Ngày làm việc	6	6	50,00%	0,5	0,5	7,5	3	2,5	1	1	1							0,5	0,5
44	1.010833.000.00.00.H21	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	5	Ngày làm việc	3	2	40,00%	0,5	0,5	2	1	1	0,5	1	0,5							0,5	0,5
45	1.012091.H21	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	10	Ngày làm việc	5,5	4,5	45,00%	0,5	0,5	7	3	1	1	1	0,5							0,5	0,5
46	1.012942.H21	THỦ TỤC BẢO CẢO TỔ CHỨC ĐẠI HỘI THÀNH LẬP, ĐẠI HỘI	45	Ngày làm việc	27,5	17,5	35,86%	0,5	0,5	31	18	5	2	3	2					4,5	4	1	1
			15	Ngày làm việc	10	5		0,5	0,5	2,5	2,5	5	1,5	1,5	1					4,5	3,5	1	1
47	1.012945.H21	THỦ TỤC CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT HỘI (CẤP TỈNH).	60	Ngày làm việc	37	23	38,33%	0,5	0,5	43,5	24,5	5	3	3	2					7	6	1	1
48	1.012947.H21	THỦ TỤC CHO PHÉP HỘI ĐẤT CHỈ NHANH HOẶC VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN (CẤP TỈNH).	30	Ngày làm việc	14,5	15,5	51,67%	0,5	0,5	16	5	5	2	3	2					4,5	4	1	1

64	1.013725.H2 1	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	15	Ngày làm việc	3,5	11,5	76,67%	0,5	0,25	2,5	2	1	0,5	0,5	0,5								0,5	0,25
65	1.013703.H2 1	Thành lập hội	60	Ngày làm việc	27	33	55,00%	0,5	0,5	50	20	5	3	4	3								0,5	0,5
66	1.013727.H2 1	Đăng ký hợp đồng nhân lao động thực tập từ 90 ngày trở lên .	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,25	1,5	0,75	0,5	0,5	0,5	0,25						1	1	1	0,5
67	1.013729.H2 1	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài .	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,25	1,5	0,75	0,5	0,5	0,5	0,25						1	1	1	0,5
68	1.013728.H2 1	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,25	1,5	0,75	0,5	0,5	0,5	0,25						1	1	1	0,5
69	1.013706.H2 1	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	60	Ngày làm việc	27	33	55,00%	0,5	0,5	50	20	5	3	4	3								0,5	0,5
70	1.013730.H2 1	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,25	1,5	0,75	0,5	0,5	0,5	0,25						1	1	1	0,5
71	1.013704.H2 1	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	45	Ngày làm việc	19	26	52,22%	0,5	0,5	35	12	5	3	4	3								0,5	0,5
			15	Ngày làm việc	8	7		0,5	0,5	5	3	5	2	4	2								0,5	0,5
72	1.013732.H2 1	Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	5	Ngày làm việc	3,75	1,25	25,00%	0,5	0,25	1,5	1,25	0,5	0,5	0,5	0,25						1	1	1	0,5
73	1.013731.H2 1	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài .	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,25	1,5	0,75	0,5	0,5	0,5	0,25						1	1	1	0,5
74	1.013733.H2 1	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng .	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,25	1,5	0,75	0,5	0,5	0,5	0,25						1	1	1	0,5

75	1.013707.H2 l	Chia, tích; sắp nhập, hợp nhất hội	60	Ngày làm việc	37	23	38,33%	0,5	0,5	50	30	5	3	4	3							0,5	0,5
76	1.013734.H2 l	Đề nghị ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết.	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,5	2,5	1,75	1	0,75	0,5	0,25							0,5	0,25
77	1.013708.H2 l	Hội tự giải thể	45	Ngày làm việc	22	23	51,11%	0,5	0,5	35	15	5	3	4	3							0,5	0,5
78	1.013710.H2 l	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chủ trương do bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	20	Ngày	10	10	50,00%	0,5	0,5	15	7	2	1	2	1							0,5	0,5
79	1.013747.H2 l	Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin.	25	Ngày	12	13	52,00%	0,5	0,5	19	6	2,5	2,5	1,5	1,5							1,5	1,5
80	1.013748.H2 l	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hướng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ.	84	Ngày	31	53	63,10%	0,5	0,5	16	11	4	2	2	1	60	15					1,5	1,5
81	1.013745.H2 l	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thần nhân	30	Ngày	14,5	15,5	51,67%	0,5	0,5	11,5	4	1	1	1	1		15	7				1	1
82	1.013746.H2 l	Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng.	35	Ngày	16	19	54,29%	0,5	0,5	27	8	3,5	3,5	2	2							2	2
83	1.013711.H2 l	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	60	Ngày	27	33	55,00%	0,5	0,5	50	20	5	3	4	3							0,5	0,5
84	1.013712.H2 l	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	60	Ngày	32	28	46,67%	0,5	0,5	43,5	18,5	5	3	3	3				7	6		1	1
85	1.013750.H2 l	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	5	Ngày làm việc	3	2	40,00%	0,5	0,5	2,5	1	1	0,5	0,5	0,5							0,5	0,5
86	1.013713.H2 l	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	60	Ngày	27	33	55,00%	0,5	0,5	50	20	5	3	4	3							0,5	0,5
87	1.013714.H2 l	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	60	Ngày	27	33	55,00%	0,5	0,5	50	20	5	3	4	3							0,5	0,5
88	1.013715.H2 l	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	60	Ngày	27	33	55,00%	0,5	0,5	50	20	5	3	4	3							0,5	0,5
89	1.013717.H2 l	Quỹ tự giải thể	60	Ngày	27	33	55,00%	0,5	0,5	50	20	5	3	4	3							0,5	0,5
90	1.013934.H2 l	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ	10	Ngày làm việc	5,5	4,5	45,00%	0,5	0,5	6,5	2	1,5	1,5	1	1	0	0	0	0	0	0	0,5	0,5
91	1.013716.H2 l	Hợp nhất, sắp nhập, chia, tách quỹ	60	Ngày	27	33	55,00%	0,5	0,5	50	20	5	3	4	3							0,5	0,5

92	1.010783.H2 1	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	36	Ngày	24	12	33,33%	0,5	0,5	6	4	2,5	2	2	1					12	6	11,5	9	1,5	1,5
93	1.010781.H2 1	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối	219	Ngày	49	170	75,48%	0,5	0,5	20,5	11,5	4	4	3	2	40	10			150	20			1	1
			210	Ngày	56	154		0,5	0,5	20	9	4	4	3	2	40	10			140	20	10	8	2,5	2,5
94	1.010773.H2 1	Tổ chức phát động học tập làm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14	24	Ngày	11	13	54,17%	0,5	0,5	9	3	1,5	1	0,5	0,5							11,5	5	1	1
95	1.010772.H2 1	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công"		Ngày			56,47%																		
			85	Ngày	37	48		0,5	0,5	12	7	1	1	0,5	0,5					60	20	10	7	1	1
			90	Ngày	40	50		0,5	0,5	16,5	12	4	2	2,5	1					60	20	5	3	1,5	1,5
			105	Ngày	46	59		0,5	0,5	21	10	3,5	3	3	1,5	10	6			60	20	5	3	2	2
			95	Ngày	39	56		0,5	0,5	20	10	4,5	2	3,5	2					60	20	5	3	1,5	1,5
96	1.014149.H2 1	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	25	Ngày làm việc	12,5	12,5	50,00%	1	1	8	3	1	1	5,5	2,5	3,5	1,5			3	1	2	1,5	1	1
97	1.014150.H2 1	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	25	Ngày làm việc	12,5	12,5	50,00%	1	1	8	3	1	1	5,5	2,5	3,5	1,5			3	1	2	1,5	1	1
98	1.014180.H2 1	TẠM DỪNG ĐÓNG VÀO QUỸ HUU TRÍ VÀ TƯ TUẤT.	15	Ngày làm việc	6,5	8,5	56,67%	0,5	0,5	11	4	2	1	1	0,5									0,5	0,5
99	1.014196.H2 1	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,5	1,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,25							1	1	1	0,5
100	1.014198.H2 1	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,5	1,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,25							1	1	1	0,5
101	1.014199.H2 1	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	10	Ngày làm việc	7	3	30,00%	0,5	0,5	4	3	1	0,5	0,5	0,5							3	2	1	0,5
102	1.014201.H2 1	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	10	Ngày làm việc	7	3	30,00%	0,5	0,5	4	3	1	0,5	0,5	0,5							3	2	1	0,5
103	1.013932.H2 1	Sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của nhà nước.	1	Ngày làm việc	0	0	30,43%																		
			2	Ngày làm việc	0	0																			
			7	Ngày làm việc	4,87	2,13		0,5	0,5	3	2	1,5	0,75	1	0,87									1	0,75
104	1.010778.H2 1	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	97	Ngày	39	58	54,64%	0,5	0,5	22	11	7	3	4	2					50	15			13,5	7,5

[illegible]

26	2.002193.000.00.00.H21	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường (cấp tỉnh)	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,25	3	1,5	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
27	1.002198.000.00.00.H21	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,25	3	1,5	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
28	1.002368.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10	Ngày làm việc	5,75	4,25	42,50%	0,5	0,25	8	4	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
29	2.001716.000.00.00.H21	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,25	3	1,5	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
30	2.000515.000.00.00.H21	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	5	3,5	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	
31	1.002234.000.00.00.H21	Sáp nhập công ty luật	7	Ngày làm việc	3,75	3,25	46,43%	0,5	0,25	5	2	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
32	1.002398.000.00.00.H21	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	7	Ngày làm việc	3,75	3,25	46,43%	0,5	0,25	5	2	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
33	1.002153.000.00.00.H21	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	7	Ngày làm việc	3,75	3,25	46,43%	0,5	0,25	5	2	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
34	2.001895.000.00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	53	Ngày	30,25	22,75	49,22%	0,5	0,25	6	3,5	0,5	0,5	0,5	0,5	45	25						0,5	0,5
			68	Ngày	30,25	37,75		0,5	0,25	6	3,5	0,5	0,5	0,5	0,5	60	25						0,5	0,5
35	1.002181.000.00.00.H21	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10	Ngày làm việc	4,75	5,25	52,50%	0,5	0,25	8	3	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
36	2.002038.000.00.00.H21	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85	Ngày	39,25	45,75	53,82%	0,5	0,25	8	5	1	0,5	0,5	0,5	70	30				4,5	2,5	0,5	0,5

[illegible]

46	2.000522.000.00.00.H21	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2,5	Ngày làm việc	0	0	50,00%																	
			12,5	Ngày	6,25	6,25		0,25	0,25	10	5,25	0,5	0,25	0,5	0,25							0,25	0,25	
47	1.000893.000.00.00.H21	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	2,5	Ngày làm việc	0	0	50,00%																	
			12,5	Ngày	6,25	6,25		0,25	0,25	10	5,25	0,5	0,25	0,5	0,25							0,25	0,25	
48	2.000513.000.00.00.H21	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	48,00%	0,5	0,25	3	1,5	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
			25	Ngày	9,75	15,25		0,5	0,25	23	8	0,5	0,5	0,5	0,5							0,5	0,5	
49	1.004772.000.00.00.H21	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	2,5	Ngày làm việc	0	0	50,00%																	
			12,5	Ngày làm việc	6,25	6,25		0,25	0,25	10	5,25	0,5	0,25	0,5	0,25							0,25	0,25	
50	1.000080.000.00.00.H21	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	7	Ngày làm việc	3,75	3,25	49,26%	0,5	0,25	5	2	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
			12	Ngày làm việc	5,75	6,25		0,5	0,25	10	4	0,5	0,5	0,5	0,5							0,5	0,5	
51	1.003005.000.00.00.H21	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	45	Ngày	26,75	18,25	40,56%	0,5	0,25	33	15	0,5	0,5	0,5	0,5	10	10						0,5	0,5
52	2.002165.000.00.00.H21	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	113	Ngày	54,75	58,25	51,55%	0,5	0,25	96	38	0,5	0,5	0,5	0,5		15	15					0,5	0,5
53	2.002191.000.00.00.H21	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	15	Ngày làm việc	7,75	7,25	48,33%	0,5	0,25	13	6	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
54	2.002192.000.00.00.H21	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	113	Ngày làm việc	51,75	61,25	54,20%	0,5	0,25	96	35	0,5	0,5	0,5	0,5		15	15					0,5	0,5

[illegible]

[illegible]

79	1.008913.000.00.00.H21	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập	15	Ngày làm việc	7,75	7,25	48,33%	0,5	0,25	13	6	0,5	0,5	0,5	0,5							0,5	0,5
80	1.008916.000.00.00.H21	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	15	Ngày làm việc	7,75	7,25	48,33%	0,5	0,25	13	6	0,5	0,5	0,5	0,5							0,5	0,5
81	1.009284.000.00.00.H21	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	5	3	0,5	0,5	0,5	0,5							0,5	0,5
82	1.009283.000.00.00.H21	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh)	7	Ngày làm việc	3,75	3,25	46,43%	0,5	0,25	5	2	0,5	0,5	0,5	0,5							0,5	0,5
83	2.002349.000.00.00.H21	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	10	Ngày	5,75	4,25	42,50%	0,5	0,25	8	4	0,5	0,5	0,5	0,5							0,5	0,5
84	1.008624.000.00.00.H21	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	10	Ngày làm việc	5,75	4,25	42,50%	0,5	0,25	8	4	0,5	0,5	0,5	0,5							0,5	0,5

85	1.003976.000.00.00.H21	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	170	Ngày	119,75	50,25	39,42%	0,5	0,25	16	7	2	1	1	0,5	135	100				15	10,5	0,5	0,5	
			260	Ngày	151,25	108,75		0,5	0,25	16	7	2	2	1	1	1	225	130				15	10,5	0,5	0,5
			255	Ngày	141,25	113,75		0,5	0,25	46	20	2	2	1	1	1	180	100				25	17,5	0,5	0,5
			345	Ngày	201,25	143,75		0,5	0,25	46	20	2	2	1	1	1	270	160				25	17,5	0,5	0,5
86	1.004878.000.00.00.H21	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha đẻ, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	215	Ngày	112,25	102,75	47,79%	0,5	0,25	15	7	2	2	2	2	180	90				15	10,5	0,5	0,5	
87	1.009832.000.00.00.H21	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	10	Ngày	3,75	6,25	62,50%	0,5	0,25	7,5	2	0,5	0,5	1	0,5								0,5	0,5	
88	1.001216.000.00.00.H21	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp cấp tỉnh	7	Ngày	3,75	3,25	49,46%	0,5	0,25	5	2	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5	
			10	Ngày	4,75	5,25		0,5	0,25	8	3	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5	
89	2.000424.H21	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	7	Ngày làm việc	5,25	1,75	25,00%	0,5	0,5	5	3,5	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,25	
90	1.013634.H21	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đầu giá tài sản	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,25	3	1,5	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5	
91	1.013635.H21	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đầu giá tài sản	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,25	3	1,5	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5	
92	2.001225.H21	Phê duyệt Trang thông tin đầu giá trực tuyến	90	Ngày làm việc	43,75	46,25	51,39%	0,5	0,25	88	42	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5	

93	1.001122.H21	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	12	Ngày	5,75	6,25	52,60%	0,5	0,25	10	4	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
			8	Ngày	3,75	4,25		0,5	0,25	6	2	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
94	1.005464.H21	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	20	Ngày	10,75	9,25	46,25%	0,5	0,25	8	3	0,5	0,5	0,5	0,5						10	6	0,5	0,5
95	3.000024.H21	Đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	20	Ngày	10,75	9,25	46,25%	0,5	0,25	8	3	0,5	0,5	0,5	0,5						10	6	0,5	0,5
96	1.000802.H21	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đầu giá	10	Ngày làm việc	5,75	4,25	42,50%	0,5	0,25	3	1,5	0,5	0,5	0,5	0,5						5	2,5	0,5	0,5
97	1.003915.H21	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề đầu giá	10	Ngày làm việc	5,75	4,25	42,50%	0,5	0,25	3	1,5	0,5	0,5	0,5	0,5						5	2,5	0,5	0,5
98	1.008886.H21	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trong tài nước ngoài tại Việt Nam	30	Ngày làm việc	14,75	15,25	50,83%	0,5	0,25	18	7	0,5	0,5	0,5	0,5						9,5	5,5	1	1
99	2.000819.H21	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	15	Ngày làm việc	8,25	6,75	45,00%	0,5	0,25	8,5	3,5	0,5	0,5	0,5	0,5						4,5	3	0,5	0,5
100	1.008885.H21	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	2,5	1,5	0,5	0,5	0,5	0,5						2,5	1,5	0,5	0,5
101	1.008888.H21	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trong tài nước ngoài tại Việt Nam	10	Ngày làm việc	6,25	3,75	37,50%	0,5	0,25	3,5	2	0,5	0,5	0,5	0,5						4,5	2,5	0,5	0,5
102	2.000822.H21	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	20	Ngày làm việc	11,25	8,75	43,75%	0,5	0,25	8	5	1	1	0,5	0,5						9,5	4	0,5	0,5

103	1.008887.H21	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trong tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trong tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trong tài nước ngoài hoặc Tổ chức trong tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	15	Ngày làm việc	9,25	5,75	38,33%	0,5	0,25	3	2	1	1	0,5	0,5						9,5	5	0,5	0,5
104	1.001609.H21	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trong tài nước ngoài tại Việt Nam	10	Ngày làm việc	6,25	3,75	37,50%	0,5	0,25	3,5	1,5	0,5	0,5	0,5	0,5						4,5	3	0,5	0,5
105	1.001928.H21	Công nhân đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	7	Ngày làm việc	4,25	2,75	39,29%	0,5	0,25	5	2,5	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
106	1.008614.H21	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	12	Ngày làm việc	5,75	6,25	52,08%	0,5	0,25	10	4	0,5	0,5	0,5	0,5								0,5	0,5
107	2.001130.H21	Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	10	Ngày	7,25	2,75	27,50%	0,5	0,25	2,5	2	1	1	0,5	0,5						4,5	3	1	0,5

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Phụ lục 3
Danh mục 44 thủ tục hành chính thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tài chính
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

							CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THỜI GIAN CẮT GIẢM (GHI RÕ ĐƠN VỊ TÍNH: GIỜ/NGÀY/NGÀY LÀM VIỆC Ở TỪNG BƯỚC)																		
							TIẾP NHẬN		CHUYÊN VIỄN XỬ LÝ		LÃNH ĐẠO CHUYỂN MÔN (Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Chi cục)		LÃNH ĐẠO CƠ QUAN (Sở/Xã)		LẤY Ý KIẾN (bao gồm các bước có lấy ý kiến, niêm yết công khai, lập hội đồng thẩm định)		KIỂM TRA THỰC ĐỊA		CƠ QUAN THUẾ		VĂN PHÒNG UBND TỈNH		VĂN THƯ VÀO SỔ TRẢ KẾT QUẢ		
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết hiện nay	Đơn vị tính	TỔNG THỜI GIAN CÒN LẠI SAU KHI CẮT GIẢM	THỜI GIAN ĐÃ CẮT GIẢM	TỶ LỆ BÌNH QUÂN ĐÃ CẮT GIẢM	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm
1	2.002004.000.00.00.H21	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh)	15	Ngày làm việc	7	8	53,33%	0,5	0,5	7	3	6	3											1	0,5
2	2.000024.000.00.00.H21	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	15	Ngày làm việc	7	8	53,33%	0,5	0,5	7	3	6	3											1	0,5
3	1.000016.000.00.00.H21	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	15	Ngày làm việc	7	8	53,33%	0,5	0,5	7	3	6	3											1	0,5
4	2.000005.000.00.00.H21	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh)	15	Ngày làm việc	7	8	53,33%	0,5	0,5	7	3	6	3											1	0,5
5	2.000765.000.00.00.H21	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (Cấp tỉnh)	15	Ngày	11	4	26,67%	0,5	0,5	7,25	4,5	1,25	1	1	0,75							4,5	4	0,5	0,25
6	2.002023.000.00.00.H21	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	3	Ngày làm việc	0	0	25,00%																		
			5	Ngày làm việc	3,75	1,25		0,5	0,25	1,25	1,25	1	1					2	1			0,25	0,25		
7	2.002020.000.00.00.H21	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh	5	Ngày làm việc	3,75	1,25	25,00%	0,5	0,25	2,75	2	1,25	1											0,5	0,5
			3	Ngày làm việc	0	0																			
8	1.005010.000.00.00.H21	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	5	Ngày làm việc	3,75	1,25	25,00%	0,5	0,25	2,75	2	1,25	1											0,5	0,5
			3	Ngày làm việc	0	0																			
9	2.001025.000.00.00.H21	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	66	Ngày làm việc	46,25	19,75	30,00%	0,5	0,25	32	19,5	4,5	2	3	2,5	10	10					13	10	3	2
10	2.001021.000.00.00.H21	Giai thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý)	30	Ngày làm việc	21	9	30,00%	1	0,25	17	12	3	2	2	0,5							5	5	1,5	1,25

11	2.000529.000.00.00.H21	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập	30	Ngày làm việc	21	9	40,00%	1	0,25	17	12	3	2	2	0,5						5	5	1,5	1,25	
12	2.001061.000.00.00.H21	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	30	Ngày làm việc	21	9	30,00%	1	0,25	17	12	3	2	2	0,5						5	5	1,5	1,25	
13	1.007623.000.00.00.H21	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương	10	Ngày	7	3	30,00%	0,5	0,5	4	2	1	0,5	1	1						2	2	1,5	1	
14	1.009492.000.00.00.H21	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán (cấp tỉnh)	25	Ngày	15	10	40,00%	1	1	6	4	2	1,5	1	1						14	7	1	0,5	
15	1.009491.000.00.00.H21	Trình tự chuẩn bị dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	5	Ngày	3,75	1,25	25,00%	0,5	0,25	1,25	1,25	1	1					2	1				0,25	0,25	
16	1.009644.000.00.00.H21	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	25	Ngày làm việc	15	10	40,00%	0,5	0,5	2,5	2	3	2	2	2	12	5	0	0	0	0	4,5	3	0,5	0,5
17	1.009650.000.00.00.H21	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhân chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	25	Ngày làm việc	14,5	10,5	42,00%	0,5	0,5	2,5	1,5	3	2	2	2	12	5	0	0	0	0	4,5	3	0,5	0,5
18	1.009652.000.00.00.H21	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	25	Ngày làm việc	14,5	10,5	42,00%	0,5	0,5	2,5	1,5	3	2	2	2	12	5	0	0	0	0	4,5	3	0,5	0,5
19	1.009655.000.00.00.H21	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh của UBND cấp tỉnh hoặc Ban Quản lý	25	Ngày làm việc	15	10	40,00%	0,5	0,5	2,5	2	3	2	2	2	12	5	0	0	0	0	4,5	3	0,5	0,5

27	3.000256.H21	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	44	Ngày	44	0	20,00%	0,5	0,5	8	8	2	2	2	2	30	30				0	0	1,5	1,5	
28	3.000257.H21	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	7	Ngày	5,25	1,75	25,00%	0,5	0,25	2	1,5	0,75	0,5	0,5	0,25						2,5	2,25	0,75	0,5	
29	2.002603.H21	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)	28	Ngày	14,75	13,25	47,32%	0,5	0,5	1	1	0,75	0,75	0,5	0,5	25	12				75		0,5		
30	3.000291.H21	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	30	Ngày	17,5	12,5	41,67%	0,5	0,5	21	12	2	1	1	0,5						4,5	3	1	0,5	
31	1.012735.H21	Hiệp thương giá	25	Ngày làm việc	14,5	10,5	39,75%	0,5	0,5	20,5	12	2	1	1	0,5								0,5	0,5	
			40	Ngày làm việc	25	15		0,5	0,5	16,5	10	4	2	2	1	15	10,5					2	1		
32	1.012744.H21	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	30	Ngày	18	12	40,46%	0,5	0,5	14,5	8	2	1	1	0,5						11	7,5	1	0,5	
			60	Ngày	35,5	24,5		0,5	0,5	25,5	12	2	1	1	0,5					30	21	1	0,5		
			90	Ngày	53,5	36,5		0,5	0,5	55,5	30	2	1	1	0,5					30	21	1	0,5		
33	3.000325.H21	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	30	Ngày	15,5	14,5	48,33%	0,5	0,5	26,5	12	1,5	1,5	1	1							0,5	0,5		
34	3.000410.H21	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	22	Ngày	14	8	36,29%	0,5	0,5	5,5	2	1	1	14,5	10								0,5	0,5	
			29	Ngày	18,5	10,5		0,5	0,5	9,5	4	2	2	1	1					15	10	1	1		
35	1.012507.H21	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyển món về đầu thầu	65	Ngày	34	31	47,69%	5	3	38	18	12	7	10	6										
36	2.002668.H21	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	10	Ngày làm việc	7,5	2,5	25,00%	0,5	0,25	7	6	2	1										0,5	0,25	
37	3.000214.H21	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (cấp Tỉnh)	30	Ngày làm việc	17,5	12,5	41,67%	1	0,5	10	5	1	0,5	1,5	1						14,5	10	0,5	0,5	
38	1.012509.H21	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyển món về đầu thầu	40	Ngày làm việc	23	17	42,50%	3	3	24	10	5	4	8	6										
39	1.012508.H21	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyển món về đầu thầu	40	Ngày làm việc	23	17	42,50%	3	3	24	10	5	4	8	6										
40	1.014316.H21	Hỗ trợ chi phí	73,5	Ngày làm việc	36,75	36,75	50,00%	0,5	0,25	9	4,5	1	1	0,5	0,5	15	10					19,5	19,5	1	1

[illegible]

5	1.001046.000.00.00.H21	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	32,14%	0,25	0,25	5	3	0,5	0,5	1	0,5							0,25	0,25		
6	1.001061.000.00.00.H21	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	32,14%	0,25	0,25	5	3	0,5	0,5	1	0,5							0,25	0,25		
7	1.005021.000.00.00.H21	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lượt chờ hành khách và xe ô tô	20	Ngày làm việc	14	6	30,00%	0,25	0,25	17,25	12,5	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25		
8	1.005024.000.00.00.H21	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lượt chờ hành khách và xe ô tô	20	Ngày làm việc	14	6	30,00%	0,25	0,25	17,25	12,5	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25		
9	1.001777.000.00.00.H21	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	11	Ngày	7,5	3,5	31,82%	0,5	0,25	7	5,5	2	1	1	0,5							0,5	0,25		
10	2.001998.000.00.00.H21	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	5	Ngày làm việc	4,25	0,75	22,50%	0,25	0,125	2,25	2	0,5	0,5	0,5	0,25							1,25	1,25	0,25	0,125
			5	Ngày làm việc	3,5	1,5		0,25	0,125	3,5	2,5	0,5	0,5	0,5	0,25							0,25	0,125		
11	2.002001.000.00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	7	Ngày làm việc	5	2	28,57%	0,25	0,25	3,25	2,25	0,5	0,5	0,5	0,25							2,25	1,5	0,25	0,25
12	1.003658.000.00.00.H21	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	5	Ngày làm việc	4	1	20,00%	0,25	0,25	3,5	2,5	0,5	0,5	0,5	0,5								0,25	0,25	
13	1.004242.000.00.00.H21	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	10	Ngày làm việc	7	3	30,00%	0,5	0,25	3,5	0,75	0,5	0,5	0,25	0,25	5	5						0,25	0,25	

14	1.000672.000.00.00.H21	Công bố lại bến xe khách	8	Ngày làm việc	4,25	3,75	46,88%	0,5	0,25	5	2,5	1,5	0,75	0,5	0,5							0,5	0,25	
15	1.000660.000.00.00.H21	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	15	Ngày	7	8	53,33%	0,5	0,25	12	5	1,5	1	0,5	0,5							0,5	0,25	
16	2.001219.000.00.00.H21	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	6	Ngày làm việc	4,75	1,25	20,83%	0,5	0,25	1,5	1	1	0,5	0,5	0,75	2	2					0,5	0,25	
17	2.001218.000.00.00.H21	Công bố mo, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc rõ ràng	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,25	3,5	2,25	0,5	0,5	0,5	0,25							0,25	0,25	
18	1.000703.000.00.00.H21	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	2	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25	
19	2.002285.000.00.00.H21	Dừng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	2	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25	
20	2.002286.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	2	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25	
21	1.000314.000.00.00.H21	Chấp thuận vị trí đậu nổi tạm vào đường bộ đang khai thác	7	Ngày làm việc	5,5	1,5	21,43%	0,25	0,25	5	4	0,5	0,5	1	0,5							0,25	0,25	
22	2.001116.000.00.00.H21	Bỏ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	30	Ngày	16,5	13,5	45,00%	0,5	0,5	8,5	5	2	2	2	2	1,5	1,5		5	2	10	3	0,5	0,5
23	1.008992.000.00.00.H21	Thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	10	Ngày	6	4	40,00%	0,5	0,5	6	2	1,5	1,5	1,5	1,5							0,5	0,5	

48	1.011710.H21	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	2	1	0,5	1	0,5								0,5	0,25
49	1.011708.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	2	1	0,5	1	0,5								0,5	0,25
50	1.011675.H21	Mã nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	10	Ngày	7	3	30,00%	0,5	0,25	1,5	1,5	1,5	1	1	1	1	1		1,5	1	2,5	1	0,5	0,25
51	2.002615.H21	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,125	2	1,5	0,75	0,5	0,5	0,25						1	1	0,25	0,125
52	1.001623.H21	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	8	Ngày làm việc	5,5	2,5	31,25%	0,5	0,25	5	4	1	0,5	1	0,5								0,5	0,25
53	2.002624.H21	Chấp thuận đề xuất thực hiện mao vết đường thủy nội địa địa phương	15	Ngày	8,5	6,5	43,33%	0,5	0,25	12	6	0,75	0,5	0,5	0,5						1	1	0,25	0,25
54	2.002625.H21	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất mao vết trên bờ	30	Ngày	12,5	17,5	58,33%	0,5	0,25	27	10	0,75	0,5	0,5	0,5						1	1	0,25	0,25

55		Công nhân Ban quản trị nhà chung cư	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,25	0,25	5	3,25	0,5	0,5	1	0,5								0,25	0,25
56	1.012888.H21	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	35	Ngày	16,25	18,75	53,57%	0,5	0,5	1,5	1	0,5	0,25	0,25	0,25	25	10				7	4	0,25	0,25
57	1.012896.H21	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	30	Ngày	17	13	43,33%	0,5	0,5	11,5	5	2	1,5	1	1	7	4				7	4	1	1
58	1.012891.H21	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	20	Ngày	10	10	50,00%	0,5	0,5	7	3	1	1	1	1					10	4	0,5	0,5	
59	1.012892.H21	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	30	Ngày	14	16	53,33%	0,5	0,5	12	6	1		1						15	7	0,5	0,5	
60	1.012898.H21	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	15	Ngày	6,5	8,5	56,67%	0,5	0,5	11,5	5	1,5	1											
61	1.012897.H21	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	45	Ngày	22,5	22,5	50,00%	1	0,5	11,5	5	0,5	0,5	2	1,5	30	15							
62	1.012883.H21	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	45	Ngày	20	25	55,56%	0,5	0,5	12	7	1		1						30	12	0,5	0,5	
63	1.012887.H21	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	50	Ngày	24	26	52,00%	0,5	0,5	20,5	10	2	1,5	1	1	15	5			10	5	1	1	
64	1.012882.H21	Thông báo dự kiến được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	15	Ngày	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,5	11	4	1	1	2	1,5							0,5	0,5	

[illegible]

[illegible]

89	1.013228.H21	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	1	1	1,5	1	1,5	1								0,5	0,25
90	1.013227.H21	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tương đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	5	Ngày	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	1	1	1,5	1	1,5	1								0,5	0,25
91	1.013259.H21	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,125	2	1,5	0,75	0,5	0,5	0,25						1	1	0,25	0,125
92	1.013277.H21	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch (Trường hợp không phải lấy ý kiến)	7	Ngày làm việc	5	2	28,57%	0,25	0,25	5	3,5	0,5	0,5	1	0,5								0,25	0,25
			16	Ngày làm việc	0	0																		
93	1.009456.H21	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	5	Ngày làm việc	0	0	22,50%																	
			10	Ngày làm việc	7,75	2,25		0,5	0,25	3,5	1,5	0,5	0,5	0,25	0,25	5	5						0,25	0,25
94	1.013467.H21	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	10	Ngày làm việc	5,5	4,5	45,00%	0,5	0,25	7	4	1	0,5	1	0,5								0,5	0,25
95	1.000892.H21	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển	7	Ngày	5	2	28,57%	0,25	0,25	3,25	2	0,5	0,5	0,5	0,5						2,25	1,5	0,25	0,25

105	1.001725.H21	Cấp đổi chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	7	Ngày làm việc	5,5	1,5	21,43%	0,25	0,25	3,5	4	0,5	0,5	0,5	0,5								0,25	0,25	
106	1.001717.H21	Cấp lại chứng chỉ thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,25	3,5	2,25	0,5	0,5	0,5	0,25								0,25	0,25	
107	1.013223.H21	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III(chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình	14	Ngày	7	7	50,00%	0,5	0,25	6,5	3	1	0,5	0,5	0,5	0,5	0,25				4,5	2	0,5	0,5	
108	2.000795.H21	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	9	Ngày làm việc	4,5	4,5	50,00%	0,5	0,25	3,25	1,5	1	1	0,75	0,5	3	1						0,5	0,25	
109	1.002798.H21	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	15	Ngày làm việc	11,5	3,5	23,33%	0,5	0,25	12	10	1	0,5	1	0,5								0,5	0,25	
110	1.001666.H21	Chấp thuận cơ sở kinh doanh đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,25	3,5	2	0,5	0,5	0,5	0,5								0,25	0,25	
111	1.000294.H21	Bãi bỏ đường ngang	7	Ngày làm việc	5,5	1,5	21,43%	0,5	0,25	1,5	1	1	0,5	0,5	0,25	3	3						0,5	0,5	
112	1.005126.H21	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	10	Ngày làm việc	7,75	2,25	22,50%	0,5	0,25	2	1	1	0,5	1	0,5	5	5						0,5	0,5	
113	3.000507.H21	Thu tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	37	Ngày	16,5	20,5	56,55%	0,5	0,5	27,5	10	1	0,5	0,5							7	5	0,5	0,5	
			52	Ngày	22	30		0,5	0,5	12,5	5	1	0,5	0,5	0,5	30	10					7	5	0,5	0,5
114	3.000506.H21	Thu tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã	22	Ngày	11,5	10,5	50,43%	0,5	0,5	12	5	1,5	1	0,5	0,5							7	4	0,5	0,5

		được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương	52	Ngày	22	30		0,5	0,5	12,5	5	1	0,5	0,5	0,5	30	10					7	5	0,5	0,5
115	3.000508.H21	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	37	Ngày	15,5	21,5	58,11%	0,5	0,5	27,5	10	1	0,5	0,5							7	4	0,5	0,5	
116	1.014158.H21	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	15	Ngày	8,5	6,5	30,00%	0,25	0,25	5	2,5	1,5	1,5	1	1						8	3	0,25	0,25	
			15	Ngày	10,5	4,5		0,25	0,25	7	4,5	1,5	1,5	1	1					5	3	0,25	0,25		
117	1.014157.H21	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	30	Ngày	21	9	30,00%	0,25	0,25	26	17	1,5	1,5	2	2								0,25	0,25	
118	1.014159.H21	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	10	Ngày	7	3	30,00%	0,25	0,25	7,5	4,5	1	1	1	1								0,25	0,25	
119	1.014156.H21	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	7	Ngày	5	2	28,57%	0,25	0,25	1	1	1,5	1	1	0,5						3	2	0,25	0,25	
120	3.000255.H21	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	10	Ngày làm việc	5	5	50,00%	0,5	0,5	6	2	2	1,5	1	0,5								0,5	0,5	
121	1.011769.H21	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	75	Ngày	39,5	35,5	47,33%	0,5	0,25	21	8	6	2	2,5	1,5	15	10,5				29,5	17	0,5	0,25	
122	3.000161.H21	Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phụ vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.	25	Ngày	13,75	11,25	45,00%	0,25	0,25	7,75	2,5	1,75	1,25	1,5	0,25	3	2				10	7	0,75	0,5	

[illegible]

Phụ lục 5
Danh mục 233 thủ tục hành chính thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Công Thương
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

								CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THỜI GIAN CẮT GIẢM (GHI RÕ ĐƠN VỊ TÍNH: GIỜ/NGÀY/NGÀY LÀM VIỆC Ở TỪNG BƯỚC)																	
								TIẾP NHẬN		CHUYÊN VIÊN XỬ LÝ		LÃNH ĐẠO CHUYÊN MÔN (Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Chi cục)		LÃNH ĐẠO CƠ QUAN (Sở/Xã)		LẤY Ý KIẾN (bao gồm các bước có lấy ý kiến, niêm yết công khai, tập hợp đồng thuận định)		KIỂM TRA THỰC ĐỊA		CƠ QUAN THUẾ		VĂN PHÒNG UBND TỈNH		VĂN THƯ VÀO SỔ TRẢ KẾT QUẢ	
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết hiện nay	Đơn vị tính	TỔNG THỜI GIAN CÒN LẠI SAU KHI CẮT GIẢM	THỜI GIAN ĐÃ CẮT GIẢM	TỶ LỆ BÌNH QUÂN ĐÃ CẮT GIẢM	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm
1	1.001323.H21	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	15	Ngày làm việc	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,5	9	3	1,5	1	1	0,5							2	2	1	0,5
2	2.000255.000.00.00.H21	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	10	Ngày làm việc	9	1	10,00%	0,5	0,25	5	4,5	1	0,75	0,5	0,5							2,5	2,5	0,5	0,5
3	2.000370.000.00.00.H21	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	28	Ngày làm việc	14,25	13,75	49,11%	0,5	0,25	8,5	3	1,5	1	1,5	1	15	8,5							1	0,5
4	2.000362.000.00.00.H21	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	28	Ngày làm việc	14,25	13,75	49,11%	0,5	0,25	8,5	3	1,5	1	1,5	1	15	8,5							1	0,5
5	2.000351.000.00.00.H21	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	28	Ngày làm việc	14,25	13,75	49,11%	0,5	0,25	8,5	3	1,5	1	1,5	1	15	8,5							1	0,5
6	2.000340.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	5	Ngày làm việc	4,5	0,5	10,00%	0,25	0,25	2,5	2,25	0,5	0,5	0,25								1,25	1,25	0,25	0,25
7	2.000330.000.00.00.H21	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	28	Ngày làm việc	15,25	12,75	45,54%	0,5	0,25	8,5	4	1,5	1	1,5	1	15	8,5							1	0,5

8	2.000272.000 .00.00.H21	Cấp giấy phép kinh doanh đóng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/ND-CP	20	Ngày làm việc	11	9	45,00%	0,5	0,25	8,5	4	1,5	1	1,5	0,75	7	4,5						1	0,5
9	2.000361.000 .00.00.H21	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20	Ngày làm việc	11	9	45,00%	0,5	0,25	8,5	4	1,5	1	1,5	0,75	7	4,5						1	0,5
10	1.000774.000 .00.00.H21	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	55	Ngày làm việc	26,5	28,5	51,82%	0,5	0,5	5,5	5,5	2	1,5	1,5	1	34	12				10	5	1,5	1
11	2.000339.000 .00.00.H21	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	5	Ngày làm việc	4,5	0,5	10,00%	0,25	0,25	2,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25						1,25	1,25	0,25	0,25
12	2.000221.000 .00.00.H21	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	18	Ngày làm việc	7,25	10,75	59,72%	0,5	0,25	15	6	1	0,5	1	0,25	0	0	0	0	0	0	0	0,5	0,25
13	2.000334.000 .00.00.H21	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2	5	Ngày làm việc	4,5	0,5	10,00%	0,25	0,25	2,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25						1,25	1,25	0,25	0,25
14	2.000322.000 .00.00.H21	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	20	Ngày làm việc	11	9	45,00%	0,5	0,25	8,5	4	1,5	1	1,5	0,75	7	4,5						1	0,5
15	2.002166.000 .00.00.H21	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	55	Ngày làm việc	24,5	30,5	55,45%	0,5	0,5	5,5	5,5	2	1,5	1,5	1	34	10				10	5	1,5	1
16	2.001434.000 .00.00.H21	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	5	Ngày làm việc	4	1	20,00%	0,25	0,25	2,5	1,5	0,5	0,5	0,25	0,25						1,25	1,25	0,25	0,25

[illegible]

31	2.000666.000 .00.00.H21	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	15	Ngày	8	7	46,67%	0,5	0,25	10,5	6	1,5	1	2	0,5							0,5	0,25	
32	2.000664.000 .00.00.H21	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	30	Ngày làm việc	12,5	17,5	58,33%	0,5	0,5	24	9	3	1,5	2	1							0,5	0,5	
33	2.000672.000 .00.00.H21	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	30	Ngày làm việc	12,5	17,5	58,33%	0,5	0,5	24	9	3	1,5	2	1							0,5	0,5	
34	1.001158.000 .00.00.H21	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	30	Ngày	14,75	15,25	50,83%	0,5	0,25	18,5	7	3	2	2	1						5	4	1	0,5
35	2.000166.000 .00.00.H21	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15	Ngày	7	8	53,33%	0,5	0,25	10	4	3	1,25	1	1						0,5	0,5		
36	2.000156.000 .00.00.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	7	Ngày	5	2	28,57%	0,5	0,25	2	2	3	1,25	1	1						0,5	0,5		
37	2.000629.000 .00.00.H21	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	7	Ngày làm việc	4	3	42,86%	0,25	0,25	5,5	2,75	0,5	0,5	0,5	0,25							0,25	0,25	
38	1.001279.000 .00.00.H21	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	7	Ngày làm việc	4	3	42,86%	0,25	0,25	5,5	2,75	0,5	0,5	0,5	0,25							0,25	0,25	
39	2.001240.000 .00.00.H21	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	7	Ngày làm việc	5	2	28,57%	0,25	0,25	5,5	3,75	0,5	0,5	0,5	0,25							0,25	0,25	
40	2.000615.000 .00.00.H21	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	7	Ngày làm việc	5	2	28,57%	0,25	0,25	5,5	3,75	0,5	0,5	0,5	0,25							0,25	0,25	
41	2.000390.000 .00.00.H21	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	7	Ngày	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	2	2,5	3	1,25	0,5	0,5							0,5	0,25	

42	2.000387.000.00.00.H21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	15	Ngày làm việc	6,25	8,75	58,33%	0,5	0,25	10	5	3	0,5	1	0,25								0,5	0,25
43	2.000376.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	7	Ngày làm việc	4	3	42,86%	0,5	0,25	2	2,75	3	0,5	1	0,25								0,5	0,25
44	2.000371.000.00.00.H21	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	7	Ngày làm việc	4	3	42,86%	0,5	0,25	2	2,75	3	0,5	1	0,25								0,5	0,25
45	2.001270.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	5	Ngày làm việc	0	0	25,00%																	
46	2.000354.000.00.00.H21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	10	Ngày	5,25	4,75	47,50%	0,5	0,25	7	3	1,5	1,25	0,5	0,5								0,5	0,25
47	2.000279.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	7	Ngày	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	2	2,5	3	1,25	1	0,5								0,5	0,25
48	1.000481.000.00.00.H21	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	7	Ngày	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	2	2,5	3	1,25	1	0,5								0,5	0,25
49	2.000163.000.00.00.H21	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	15	Ngày làm việc	6,25	8,75	58,33%	0,5	0,25	10	5	3	0,5	1	0,25								0,5	0,25
50	1.000444.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	7	Ngày làm việc	4	3	42,86%	0,5	0,25	2	2,75	3	0,5	1	0,25								0,5	0,25
51	2.000211.000.00.00.H21	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	7	Ngày làm việc	4	3	42,86%	0,5	0,25	2	2,75	3	0,5	1	0,25								0,5	0,25
52	2.001292.000.00.00.H21	Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	30	Ngày	14	16	53,33%	0,5	0,25	20	6	1,5	1	1	0,5						6,5	6	0,5	0,25
53	2.001313.000.00.00.H21	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	20	Ngày làm việc	11	9	45,00%	0,5	0,25	12,5	5	1,5	1	1,5	1						3,5	3,5	0,5	0,25

[illegible]

76	2.001384.000.00.00.H21	Phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	25	Ngày	11,5	13,5	54,00%	0,5	0,25	17,5	7	2	1	4,5	3								0,5	0,25	
77	2.000206.000.00.00.H21	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	20	Ngày	10	10	50,00%	0,5	0,25	15	7	2	1	2	1,5								0,5	0,25	
78	2.000063.000.00.00.H21	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	7	Ngày làm việc	5	2	28,57%	0,5	0,25	2,5	2,5	2	1,5	1,5	0,5								0,5	0,25	
79	2.000450.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	1,5	1,5	1,5	1	1	0,5								0,5	0,25	
80	2.000327.000.00.00.H21	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	1,5	1,5	1,5	1	1	0,5								0,5	0,25	
81	2.000004.000.00.00.H21	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	1,5	1,5	1,5	1	1	0,5								0,5	0,25	
82	2.000347.000.00.00.H21	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	1,5	1,5	1,5	1	1	0,5								0,5	0,25	
83	2.000110.000.00.00.H21	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	7	Ngày làm việc	6	1	14,29%	0,25	0,25	4,5	3,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1,25	1,25	0,25	0,25
84	1.005190.000.00.00.H21	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	7	Ngày làm việc	6	1	14,29%	0,25	0,25	4,5	3,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1,25	1,25	0,25	0,25
85	1.010696.000.00.00.H21	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	1,5	1,75	1,5	0,75	1	0,5								0,5	0,25	
86	1.011508.000.00.00.H21	Cấp ưu tiên giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12	Ngày làm việc	6,25	5,75	47,92%	0,5	0,25	9	5	1	0,5	1	0,25								0,5	0,25	
			15	Ngày làm việc	15	0		0,5	0,5	3	3	1	1	1	1	9	9						0,5	0,5	
87	1.011506.000.00.00.H21	Cấp ưu tiên giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12	Ngày làm việc	6,25	5,75	47,92%	0,5	0,25	9	5	1	0,5	1	0,25								0,5	0,25	
			15	Ngày làm việc	14	1		0,5	0,5	3	2	1	1	1	1	9	9						0,5	0,5	

88	1.011507.000.00.00.H21	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2,5	2,25	1	0,5	1	0,25								0,5	0,25
89	1.012471.H21	Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực nghệ thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh	90	Ngày	37,25	52,75	58,61%	0,5	0,25	82	30	1	1	0,5	0,5					5	5	1	0,5	
90	2.002605.H21	Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	14	Ngày	7	7	50,00%	0,5	0,25	10	5	2	1	1	0,5							0,5	0,25	
91	2.002604.H21	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	20	Ngày	10	10	51,25%	0,5	0,25	14	7	3	1,5	2	1							0,5	0,25	
			40	Ngày	19	21		0,5	0,25	30	15	6	2	3	1,5							0,5	0,25	
92	2.002606.H21	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	14	Ngày	7	7	51,92%	0,5	0,25	10	5	2	1	1	0,5							0,5	0,25	
			26	Ngày	12	14		0,5	0,25	22	10	2	1	1	0,5							0,5	0,25	
93	2.002608.H21	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	30	Ngày	15	15	50,00%	0,5	0,25	26	13	2	1	1	0,5							0,5	0,25	
94	2.002607.H21	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	14	Ngày	7	7	50,00%	0,5	0,25	10	5	2	1	1	0,5							0,5	0,25	
95	1.013005.H21	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	10	Ngày	4,5	5,5	55,00%	0,5	0,25	7	3	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25	
96	1.013004.H21	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đầu nối với hệ thống điện quốc gia	10	Ngày	7	3	30,00%	0,5	0,25	7	5,5	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25	
97	1.012567.H21	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	60	Ngày	30	30	50,00%	0,5	0,5	49,5	20	3	2,5	2	2					4	4	1	1	
98	1.012569.H21	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	45	Ngày	22,5	22,5	50,00%	0,5	0,5	39,5	17	3	2	2	2					29,5		1	1	

[illegible]

[illegible]

117	1.013127.H2 1	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các phương, các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000m3, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT	20	Ngày làm việc	10,5	9,5	47,50%	0,5	0,25	3	2	1,5	0,5	0,5	0,25	11	4					3	3	0,5	0,5
118	1.013652.H2 1	Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	15	Ngày làm việc	8,5	6,5	43,33%	0,5	0,25	10	5	1	0,5	0,5	0,25							2	2	0,5	0,5
119	1.013126.H2 1	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương	20	Ngày làm việc	9,5	10,5	52,50%	0,5	0,25	3	2	1,5	0,5	0,5	0,25	11	3					3	3	0,5	0,5
120	2.000046.H2 1	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	5	Ngày làm việc	4	1	20,00%	0,25	0,25	2,5	1,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
121	2.000314.H2 1	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	1,5	1,5	1,5	1	1	0,5									0,5	0,25
122	1.013128.H2 1	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển.	7	Ngày làm việc	5,6	1,4	20,00%	0,25	0,25	5	3,6	1	1	0,5	0,5									0,25	0,25
123	1.013778.H2 1	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	7	Ngày làm việc	5,25	1,75	25,00%	0,25	0,25	4,5	3,25	0,5	0,25	0,25	0,25							1	1	0,5	0,25
124	1.005405.H2 1	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	15	Ngày làm việc	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	10	4	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5

125	1.005406.H2 1	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	30	Ngày làm việc	15	15	50,00%	0,5	0,5	23	10	1,5	1	1							3	3	1	0,5
126	1.003438.H2 1	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	17	Ngày làm việc	8,5	8,5	50,00%	0,5	0,25	12	5	1	0,75	0,5	0,5						2	1,5	1	0,5
127	1.001062.H2 1	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	5	Ngày làm việc	3,75	1,25	25,00%	0,25	0,25	2,5	1,25	0,5	0,5	0,25	0,25						1	1	0,5	0,5
128	1.000957.H2 1	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	5	Ngày làm việc	3,75	1,25	25,00%	0,25	0,25	2,5	1,25	0,5	0,5	0,25	0,25						1	1	0,5	0,5
129	1.000905.H2 1	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	5	Ngày làm việc	3,75	1,25	25,00%	0,25	0,25	2,5	1,25	0,5	0,5	0,25	0,25						1	1	0,5	0,5
130	1.004155.H2 1	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	7	Ngày làm việc	4,85	2,15	30,00%	0,25	0,25	4,5	2,85	0,5	0,25	0,25	0,25						1	1	0,5	0,25
131	1.004181.H2 1	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	7	Ngày làm việc	4,85	2,15	30,00%	0,25	0,25	4,5	2,85	0,5	0,25	0,25	0,25						1	1	0,5	0,25
132	2.001758.H2 1	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	7	Ngày làm việc	4,85	2,15	30,00%	0,25	0,25	4,5	2,85	0,5	0,25	0,25	0,25						1	1	0,5	0,25
133	1.000551.H2 1	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	5	Ngày làm việc	3,75	1,25	25,00%	0,25	0,25	2,5	1,25	0,5	0,5	0,25	0,25						1	1	0,5	0,5
134	1.000477.H2 1	Thủ tục cấp Giấy phép quả cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu; cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu; tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	5	Ngày làm việc	3,75	1,25	25,00%	0,25	0,25	2,5	1,25	0,5	0,5	0,25	0,25						1	1	0,5	0,5
135	1.013991.H2 1	Cấp phép nhập khẩu mặt hàng có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh nhưng không phục vụ quốc phòng, an ninh	17	Ngày làm việc	8,5	8,5	50,00%	0,5	0,25	12	5	1	0,75	0,5	0,5						2	1,5	1	0,5
136	1.000363.H2 1	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	5	Ngày làm việc	3,75	1,25	25,00%	0,25	0,25	2,5	1,25	0,5	0,5	0,25	0,25						1	1	0,5	0,5
137	1.000890.H2 1	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	5	Ngày làm việc	3,75	1,25	25,00%	0,25	0,25	2,5	1,25	0,5	0,5	0,25	0,25						1	1	0,5	0,5
138	1.013779.H2 1	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,25	0,25	4,5	1,5	0,5	0,25	0,25	0,25						1	1	0,5	0,25

139	1.001419.H2 1	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	10	Ngày làm việc	5	5	50,00%	0,5	0,25	5	2	1	0,5	0,5	0,25							2	1,5	1	0,5
140	1.000350.H2 1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có văn diện tại Việt Nam	30		15	15	50,00%	0,5	0,5	23	9	1,5	1	1	1							3	3	1	0,5
141	1.013780.H2 1	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	15	Ngày	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	9	3,5	1,5	0,75	1	0,5							2	2	1	0,5
142	1.004021.H2 1	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	15	Ngày làm việc	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	10	4	1	0,5	0,5	0,25	0	0	0	0	0	0	2	2	1	0,5
143	1.003992.H2 1	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	15	Ngày làm việc	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	10	4	1	0,5	0,5	0,25	0	0	0	0	0	0	2	2	1	0,5
144	1.004007.H2 1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,25	0,25	4,5	2,5	0,5		0,25	0,25	0	0	0	0	0	0	1	1	0,5	0,5
145	1.003820.H2 1	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	16	Ngày làm việc	7,5	8,5	53,13%	0,5	0,25	11	4	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
146	1.003775.H2 1	Cấp lại giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	5	Ngày làm việc	4,25	0,75	15,00%	0,25	0,25	2,5	2	0,5	0,25	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
147	1.000667.H2 1	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	10	Ngày làm việc	5,25	4,75	47,50%	0,5	0,25	5,5	2,5	1,25	0,5	1	0,5							1	1	0,75	0,5
148	1.000981.H2 1	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	20	Ngày làm việc	11,75	8,25	41,25%	0,5	0,25	10	5	2,5	1,5	2	1							4	3,5	1	0,5

149	1.000948.H2 1	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	15	Ngày làm việc	8,75	6,25	41,67%	0,5	0,25	7	3,5	2,5	1,5	2	1							2	2	1	0,5
150	1.000911.H2 1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	15	Ngày làm việc	8,75	6,25	41,67%	0,5	0,25	7	3,5	2,5	1,5	2	1							2	2	1	0,5
151	2.000209.H2 1	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	7	Ngày làm việc	5,5	1,5	21,43%	0,25	0,25	4,5	3	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
152	1.000162.H2 1	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	15	Ngày làm việc	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	9	3,5	1,5	0,75	1	0,5							2	2	1	0,5
153	1.000172.H2 1	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	20	Ngày làm việc	10	10	50,00%	0,5	0,5	14	6	1,5	1	1								2	2	1	0,5
154	1.000949.H2 1	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	20	Ngày làm việc	10	10	50,00%	0,5	0,5	14	6	1,5	1	1								2	2	1	0,5
155	2.000066.H2 1	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	5	Ngày làm việc	4	1	20,00%	0,25	0,25	2,5	1,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
156	2.000140.H2 1	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	5	Ngày làm việc	3,75	1,25	25,00%	0,25	0,25	2,5	1,25	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
157	2.001585.H2 1	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	16	Ngày làm việc	7,5	8,5	53,13%	0,5	0,25	11	4	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
158	1.003724.H2 1	Cấp giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, bảng 3	16	Ngày làm việc	7,5	8,5	53,13%	0,5	0,25	11	4	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5

159	2.001722.H2 1	Cấp lại giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, hóa chất bảng 3	5	Ngày làm việc	4,25	0,75	15,00%	0,25	0,25	2,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,25	0,25
160	1.004031.H2 1	Cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất bảng 2, hóa chất bảng 3	16	Ngày làm việc	7,5	8,5	53,13%	0,5	0,25	11	4	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
161	2.000431.H2 1	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	7	Ngày làm việc	5	2	28,57%	0,25	0,25	4	2,75	0,5	0,5	0,25								1,5	1	0,5	0,5
162	1.012429.H2 1	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	5	Ngày làm việc	4,25	0,75	15,00%	0,25	0,25	2,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,25	0,25
163	2.000257.H2 1	Cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	7	Ngày làm việc	5	2	28,57%	0,25	0,25	4	2,75	0,5	0,5	0,25								1,5	1	0,5	0,5
164	2.000628.H2 1	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	10	Ngày làm việc	4,5	5,5	55,00%	0,25	0,25	7,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
165	2.001675.H2 1	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	10	Ngày làm việc	4,5	5,5	55,00%	0,25	0,25	7,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
166	2.000618.H2 1	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	10	Ngày làm việc	4,5	5,5	55,00%	0,25	0,25	7,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
167	1.000704.H2 1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,25	0,25	4,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
168	1.000742.H2 1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,25	0,25	4,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
169	2.000146.H2 1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	2,5	2	1,25	0,5	1	0,5							1	1	0,75	0,5
170	1.000649.H2 1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	2,5	2	1,25	0,5	1	0,5							1	1	0,75	0,5

171	1.000491.H2 1	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	2,5	2	1,25	0,5	1	0,5							1	1	0,75	0,5
172	1.012440.H2 1	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	16	Ngày làm việc	7,5	8,5	53,13%	0,5	0,25	11	4	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
173	1.012443.H2 1	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	16	Ngày làm việc	7,5	8,5	53,13%	0,5	0,25	11	4	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
174	1.012430.H2 1	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	7	Ngày làm việc	5	2	28,57%	0,25	0,25	4	2,75	0,5	0,5	0,25								1,5	1	0,5	0,5
175	1.012433.H2 1	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3.	7	Ngày làm việc	5	2	28,57%	0,25	0,25	4	2,75	0,5	0,5	0,25								1,5	1	0,5	0,5
176	1.001292.H2 1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	10	Ngày làm việc	7	3	30,00%	0,25	0,25	7,5	4,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
177	2.000604.H2 1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	10	Ngày làm việc	7	3	30,00%	0,25	0,25	7,5	4,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
178	1.001271.H2 1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	10	Ngày làm việc	7	3	30,00%	0,25	0,25	7,5	4,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
179	2.000117.H2 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	20	Ngày làm việc	10	10	50,00%	0,5	0,25	15	7,5	1	0,5	0,5	0,25							2	1	1	0,5
180	2.001293.H2 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	22	Ngày làm việc	11	11	50,00%	0,5	0,25	17	7,5	1	0,5	0,5	0,25	0	0	0	0			2	2	1	0,5
181	2.000304.H2 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	15	Ngày làm việc	8,5	6,5	43,33%	0,5	0,25	10	5	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
182	1.000475.H2 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	15	Ngày làm việc	8,5	6,5	43,33%	0,5	0,25	10	5	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
183	1.000706.H2 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	15	Ngày làm việc	8,75	6,25	41,67%	0,5	0,25	9,5	5	1,25	0,5	1	0,5							2	2	0,75	0,5

184	1.005184.H2 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	15	Ngày làm việc	8,75	6,25	41,67%	0,5	0,25	9,5	5	1,25	0,5	1	0,5							2	2	0,75	0,5
185	2.001424.H2 1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	15	Ngày làm việc	8,75	6,25	41,67%	0,5	0,25	9,5	5	1,25	0,5	1	0,5							2	2	0,75	0,5
186	2.002096.H2 1	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	25	Ngày làm việc	13,5	11,5	46,00%	0,5	0,5	20,5	9	1,5	1,5	2	2									0,5	0,5
187	1.012438.H2 1	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	16	Ngày làm việc	8,5	7,5	46,88%	0,5	0,25	11	5	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
188	1.003977.H2 1	Cấp giấy phép phân phối rượu	15	Ngày làm việc	7,75	7,25	48,33%	0,5	0,25	9	4	1,5	0,5	1	0,5							2	2	1	0,5
189	1.001338.H2 1	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	15	Ngày làm việc	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	9	3,5	1,5	0,75	1	0,5							2	2	1	0,5
190	1.012441.H2 1	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	16	Ngày làm việc	8,5	7,5	46,88%	0,5	0,25	11	5	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
191	1.000376.H2 1	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	7	Ngày làm việc	4,2	2,8	40,00%	0,25	0,25	4,5	2	0,5	0,45	0,25	0,25							1	1	0,5	0,25
192	2.000624.H2 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	5	Ngày làm việc	4	1	20,00%	0,25	0,25	2,5	1,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
193	2.001665.H2 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	5	Ngày làm việc	4	1	20,00%	0,25	0,25	2,5	1,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5

194	2.000613.H2 1	Cấp lại Giấy chứng nhân đăng ký hoạt động thử nghiệm	5	Ngày làm việc	4	1	20,00%	0,25	0,25	2,5	1,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
195	2.000115.H2 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	20	Ngày làm việc	11	9	45,00%	0,5	0,25	15	7,5	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
196	2.001278.H2 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vận sản xuất và kinh doanh sản phẩm thực phẩm	22	Ngày làm việc	11	11	50,00%	0,5	0,25	17	7,5	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
197	1.000709.H2 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,5	0,25	4,5	2	1	0,5	0,5	0,25							1	1	0,5	0,5
198	1.000455.H2 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,5	0,25	4,5	2	1	0,5	0,5	0,25							1	1	0,5	0,5
199	1.000387.H2 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	2,5	2	1,25	0,5	1	0,5							1	1	0,75	0,5
200	1.005372.H2 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	2,5	2	1,25	0,5	1	0,5							1	1	0,75	0,5
201	1.000510.H2 1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	2,5	2	1,25	0,5	1	0,5							1	1	0,75	0,5
202	1.012439.H2 1	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	5	Ngày làm việc	4,25	0,75	15,00%	0,25	0,25	2,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,25	0,25
203	1.003101.H2 1	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,25	0,25	4,5	2,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,25	0,25

204	2.000598.H2 1	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	15	Ngày làm việc	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	9	3,5	1,5	0,75	1	0,5							2	2	1	0,5
205	1.012442.H2 1	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	5	Ngày làm việc	4,25	0,75	15,00%	0,25	0,25	2,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,25	0,25
206	1.000361.H2 1	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	5	Ngày làm việc	2,5	2,5	50,00%	0,25	0,25	2,5	1	0,5	0,25	0,25	0,25							1	0,5	0,5	0,25
207	1.012432.H2 1	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	5	Ngày làm việc	4,25	0,75	15,00%	0,5	0,25	2,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,25	0,25
208	1.013990.H2 1	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,25	2,5	1,25	0,5	0,25	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
209	2.000147.H2 1	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	25	Ngày làm việc	12,5	12,5	50,00%	0,5	0,25	20	9	1	0,5	0,5	0,25	0	0	0	0			2	2	1	0,5
210	1.013989.H2 1	Cấp thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,25	2,5	1,25	0,5	0,25	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
211	1.0005376.H2 1	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	7	Ngày làm việc	5,5	1,5	21,43%	0,25	0,25	4,5	3,25	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,25	0,25
212	2.001573.H2 1	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	10	Ngày làm việc	5	5	50,00%	0,5	0,5	5	2	1	0,5	0,5								2	1,5	1	0,5
213	1.000168.H2 1	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	5	Ngày làm việc	2,5	2,5	50,00%	0,25	0,25	2,5	1	0,5	0,25	0,25	0,25							1	0,5	0,5	0,25
214	2.000251.H2 1	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động gửi định	5	Ngày làm việc	4	1	20,00%	0,25	0,25	2,5	1,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
215	2.000324.H2 1	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	15	Ngày làm việc	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,5	10	5	1	0,5	0,5								2	1	1	0,5

216	1.013987.H2 1	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	20	Ngày làm việc	11	9	45,00%	0,5	0,25	15	7,5	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
217	1.003705.H2 1	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bản hàng đa cấp	30	Ngày làm việc	21	9	30,00%	0,5	0,5	23	14	1,5	1,5	1	1							3	3	1	1
218	1.003860.H2 1	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	45	Ngày làm việc	21	24	53,33%	0,5	0,25	40	17,5	1	0,5	0,5	0,25	0	0	0	0	0	0	2	2	1	0,5
219	2.001682.H2 1	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	45	Ngày làm việc	21	24	53,33%	0,5	0,25	40	17,5	1	0,5	0,5	0,25	0	0	0	0	0	0	2	2	1	0,5
220	2.001595.H2 1	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	30	Ngày làm việc	16	14	46,67%	0,5	0,25	25	12	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	1
221	1.003951.H2 1	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	30	Ngày làm việc	16	14	46,67%	0,5	0,25	25	12,5	1	0,5	0,5	0,25	0	0	0	0	0	0	2	2	1	0,5
222	1.000880.H2 1	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	15	Ngày làm việc	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	9	4	1,5	1	1	0,5							2	1,25	1	0,5
223	2.000133.H2 1	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài.	5	Ngày làm việc	2,5	2,5	50,00%	0,25	0,25	2,5	1	0,5	0,25	0,25	0,25							1	0,5	0,5	0,25
224	1.003929.H2 1	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	30	Ngày làm việc	12,5	17,5	58,33%	0,5	0,25	25	9	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
225	2.001660.H2 1	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	30	Ngày làm việc	12,5	17,5	58,33%	0,5	0,25	25	9	1	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
226	2.000026.H2 1	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	5	Ngày làm việc	2,5	2,5	50,00%	0,25	0,25	2,5	1	0,5	0,25	0,25	0,25							1	0,5	0,5	0,25
227	2.000129.H2 1	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	5	Ngày làm việc	2,5	2,5	50,00%	0,25	0,25	2,5	1	0,5	0,25	0,25	0,25							1	0,5	0,5	0,25
228	1.000358.H2 1	Già hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	5	Ngày làm việc	2,5	2,5	50,00%	0,25	0,25	2,5	1	0,5	0,25	0,25	0,25							1	0,5	0,5	0,25

229	1.012431.H2 1	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	5	Ngày làm việc	4,25	0,75	15,00%	0,25	0,25	2,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,25	0,25
230	1.012434.H2 1	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	5	Ngày làm việc	4,25	0,75	15,00%	0,25	0,25	2,5	2	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,25	0,25
231	2.000401.H2 1	Thu tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	10	Ngày làm việc	5	5	50,00%	0,25	0,25	7,5	2,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
232	1.000878.H2 1	Thu tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	10	Ngày làm việc	5	5	50,00%	0,25	0,25	7,5	2,5	0,5	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
233	1.014125.H2 1	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	17	Ngày làm việc	8,5	8,5	50,00%	0,5	0,25	12	5	1	0,5	0,5	0,25							2	2	0,5	0,5

[illegible]

7	1.004680.000.00.00.H21	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	7	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	5,5	2,75	0,5	0,25											0,5	0,25
8	1.004656.000.00.00.H21	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	3	0	0	50,00%																		
			7	3,5	3,5		0,5	0,25	4	1,5	1	0,5	1	1								0,5	0,25	
9	1.004056.000.00.00.H21	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	19	9,75	9,25	48,68%	0,5	0,25	1,25	1	1,5	0,5	1,75	0,5	5	2			4	2,5	4,5	2,5	0,5	0,5
10	1.003486.000.00.00.H21	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	7	3,5	3,5	50,00%	0,25	0,25	5	2	1	0,5	0,5	0,5									0,25	0,25
			3	0	0																			
11	1.003618.000.00.00.H21	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	30	14,75	15,25	50,83%	0,5	0,25	27,25	12,25	1	1	1	1									0,25	0,25
12	2.001426.000.00.00.H21	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lắp bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngăn thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	15	7,5	7,5	50,00%	0,25	0,25	6	2,75	1,75	0,5	2,25	0,5						4,5	3	0,5	0,5	

13	2.001793.000.00.00.H21	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	7	4,75	2,25	32,14%	0,25	0,25	3	1,5	1,25	0,5	0,75	0,5							1,5	1,5	0,5	0,5
14	2.001795.000.00.00.H21	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	15	7,5	7,5	50,00%	0,25	0,25	6	3	1,75	0,5	2,25	0,5							4,5	3	0,25	0,25
15	2.001804.000.00.00.H21	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	30	15	15	50,00%	0,25	0,25	19	8,25	2,5	1	2,5	1							5,5	4	0,5	0,5
16	1.004022.00	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	5	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2,5	2	1	0,5	0,5	0,5									0,5	0,25
17	1.004839.00	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	5	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	1,75	1	0,75	1	0,5									0,5	0,25
18	1.003221.000.00.00.H21	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	15	7,5	7,5	50,00%	0,25	0,25	6	2,75	1,75	0,5	2,25	0,5							4,5	3	0,5	0,5

19	1.003211.000.00.00.H21	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	12	6	6	50,00%	0,5	0,25	7,25	4,5	2	0,5	2	0,5								0,25	0,25
20	1.003203.000.00.00.H21	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	12	6	6	50,00%	0,5	0,25	7,25	4,5	2	0,5	2	0,5								0,25	0,25
21	1.004923.000.00.00.H21	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	63	26,75	36,25	57,54%	0,5	0,25	26	10	4	1	3	1	20	7			9	7	0,5	0,5	
22	1.004921.000.00.00.H21	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)- Đối với trường hợp thay đổi tên	7	0	0	57,54%																	
		63	26,75	36,25	0,25		0,25	26	10	4,75	1	2,5	1	20	7			9	7	0,5	0,5		
23	1.004694.000.00.00.H21	Công bố mở cảng cá loại 2	6	3,5	2,5	41,67%	0,5	0,25	3,25	2	1	0,5	1	0,5							0,25	0,25	
24	1.003727.000.00.00.H21	Công nhận làng nghề truyền thống	30	13,5	16,5	55,00%	0,5	0,5	6,5	4	3	1	1	0,5		15	3,5		3,5	3,5	0,5	0,5	
25	1.003712.000.00.00.H21	Công nhận nghề truyền thống	30	13,5	16,5	55,00%	0,5	0,5	6,5	4	3	1	1	0,5		15	3,5		3,5	3,5	0,5	0,5	

[illegible]

45	1.000049.000.00.00.H21	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	10	5	5	50,00%	0,5	0,25	7	3	1	0,5	1	1							0,5	0,25
46	1.004237.000.00.00.H21	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh)	5	3,05	1,95	39,00%	1	0,25	2	1,5	1	0,75									1	0,55
47	1.003434.000.00.00.H21	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	18	9	9	50,00%	0,5	0,25	15,25	6,5	1	1	1	1							0,25	0,25
48	1.007919.000.00.00.H21	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	9	4,5	4,5	50,00%	0,5	0,25	6,25	3	1	0,5	1	0,5							0,25	0,25
49	1.008003.000.00.00.H21	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô	5	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	1	1	2	1	1	1							0,5	0,25
			25	17,5	7,5		0,5	0,25	14	10	3	1	2	1	5	5					0,5	0,25
50	1.008127.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi.	5	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	1,5	1,5	1	0,5	0,5							0,5	0,25
51	1.008129.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	5	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	1,5	1,5	1	0,5	0,5							0,5	0,25
52	1.008409.000.00.00.H21	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	10	5,75	4,25	42,50%	0,25	0,25	5,5	2	0,75	0,5	1	0,5					2	2	0,5	0,5
53	1.008410.000.00.00.H21	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	10	5,75	4,25	42,50%	0,25	0,25	5,5	2	0,75	0,5	1	0,5					2	2	0,5	0,5

54	2.001401.000.00.00.H21	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	5	4,5	0,5	10,00%	0,25	0,25	1	1	1,25	1,25	0,75	0,75						1	1	0,25	0,25
55	1.003596.000.00.00.H21	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	30	15	15	50,00%	0,25	0,25	25	12,5	2,25	1	2,25	1								0,25	0,25
56	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (lĩnh vực lâm nghiệp)	15	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	4,5	2	2	0,5	2	0,5						5	3,75	0,5	0,5
		Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (lĩnh vực đất ngập nước)	15	7,5	7,5		0,5	0,25	4,5	2	2	0,5	2	0,5						5	3,75	0,5	0,5
57	1.008682.000.00.00.H21	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (lĩnh vực lâm nghiệp)	27	13,5	13,5	50%	0,5	0,25	24,25	11	1	1	1	1								0,25	0,25
		Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (lĩnh vực đất ngập nước)	27	13,5	13,5		0,5	0,25	24,25	11	1	1	1	1								0,25	0,25
58	1.003371.000.00.00.H21	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18	7,25	10,75	59,72%	0,5	0,25	12	3	1,5	1	1	0,5						2	2	1	0,5
59	1.003388.000.00.00.H21	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	18	8,25	9,75	54,17%	0,5	0,25	12	4	1,5	1	1	0,5						2	2	1	0,5

60	1.000025.000.00.00.H21	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	55	27,5	27,5	50,00%	0,5	0,25	52,25	25	1	1	1	1								0,25	0,25
61	1.000058.000.00.00.H21	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	15	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	12,25	5	1	1	1	1								0,25	0,25
62	1.009669.000.00.00.H21	Tinh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành .	26	10,75	15,25	58,65%	0,5	0,25	19	6	1	0,5	0,5	0,5						4,5	3	0,5	0,5
63	1.010091.000.00.00.H21	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	10	5	5	50,00%	0,5	0,5	7,5	3,25	1	0,5	0,5	0,5								0,5	0,25
64	1.010092.000.00.00.H21	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	8	4	4	50,00%	0,5	0,25	5,5	2,5	1	0,5	0,5	0,5								0,5	0,25
			5	0	0																		
65	1.010735.000.00.00.H21	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (cấp tỉnh) (1.010735)	42	20	22	52,38%	0,5	0,5	31	13,5	3	1,5	2	1	0	0	0	0	0	4	3	1,5	0,5
66	1.011470.000.00.00.H21	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết	7	4,25	2,75	39,29%	0,5	0,25	2	1	1,5	0,5	1	0,5					1,5	1,5	0,5	0,5	

		của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	10	0	0																	
67	1.011471.000. 00.00.H21	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân	7	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	4	2	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25
			10	0	0																	
68	1.011478.00	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu)	21	8,5	12,5	59,52%	0,5	0,25	17,5	6	1,5	1	1	1							0,5	0,25
69	1.011516.H21	Dăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển (cấp tỉnh)	14	7	7	50,00%	0,5	0,25	11	5,5	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25
70	1.011609.H21	Công nhân hồ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và điểm nghiệp có mức sống trung bình	15	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	11	6	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25
71	1.011606.H21	Công nhân hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hàng năm	104	52	52	50,00%	0,5	0,25	101	50,5	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25
72	1.011607.H21	Công nhân hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm	15	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	12	6	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25
73	1.011608.H21	Công nhân hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hàng năm	15	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	12	6	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25
74	2.001850.H21	Thẩm định, phê duyet phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	49	24,5	24,5	50,00%	0,5	0,5	35	16,5	1,5	1	2,5	1					8	5	1,5	0,5
75	1.011647.H21	Công nhân vùng nông nghiệp ứng dụng cao-Trường hợp hồ sơ hợp lệ	30	14	16	53,33%	0,5	0,5	20	7	2,5	1	2	1					4	4	1	0,5

76	1.011999.H21	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	60	26,75	33,25	55,42%	0,5	0,25	43	19	4	1	3	1							9	5	0,5	0,5
77	1.012000.H21	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	60	22,75	37,25	62,08%	0,5	0,25	43	15	4	1	3	1							9	5	0,5	0,5
78	1.012001.H21	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	30	12,75	17,25	57,50%	0,5	0,25	21	7	2	0,5	1,5	1							4,5	3,5	0,5	0,5
79	1.012002.H21	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	15	7,25	7,75	38,33%	0,5	0,25	6	2	2	0,5	1,5	0,5							4,5	3,5	0,5	0,5
			5	3,75	1,25		0,5	0,25	1	0,75	0,5	0,5	1	0,75							1	1	0,5	0,5
80	1.012003.H21	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	30	15	15	50,00%	0,5	0,25	21	8,75	2	1	1,5	1							4,5	3,5	0,5	0,5
			15	10	5		0,5	0,25	6	4	2	1	1,5	1							4,5	3,5	0,5	0,25

[illegible]

88	1.012504.H21	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	30	15	15	50,00%	0,5	0,25	24,5	13	1	0,5	3	1							1	0,25
89	1.012836.H21	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đồng lạnh, Nitor lỏng, ống tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	20	10	10	50,00%	0,5	0,25	17	7,5	1	1	1	1							0,5	0,25
90	1.012837.H21	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitor lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	40	17,5	22,5	56,25%	0,5	0,25	36	15	1	1	2	1							0,5	0,25
91	1.012691.H21	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	20	9,75	10,25	51,25%	0,5	0,25	12	4	1,5	0,5	1	0,5					4,5	4	0,5	0,5
92	1.012832.H21	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	15	7,5	7,5	50,00%	0,5	0	11,5	7	1,5	0	1	0,5							0,5	0
93	1.012834.H21	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	20	10	10	50,00%	0,5	0,25	17	8,5	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25
94	1.012833.H21	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	32	16	16	50,00%	0,5	0,25	19	14,5	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25
95	1.012687.H21	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	55	27,5	27,5	50,00%	0,5	0,5	12	5,5	4	1	3	1	15	5			19,5	14	1	0,5

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

153	1.004678.H21	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	15	6,5	8,5	58,89%	0,5	0,25	10	5	4	1									0,5	0,25		
154	1.004943.H21	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	16	8	8	50,00%	0,5	0,25	3,25	3	7,75	1	1	0,5						3	3	0,5	0,25	
155	1.004929.H21	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	7	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	2,5	1,5	2,5	0,5	1	0,75							0,5	0,5		
156	1.004669.H21	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	58	22	36	62,07%	0,5	0,25	54	20	2	1	1	0,5							0,5	0,25		
		18	7,75	10,25	56,94%	0,5	0,25	9,5	6	3,5	0,75	1	0,5							0,5	0,25			
157	1.003851.H21	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	15	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	11	5	2	1	1	1							0,5	0,25		
158	1.003741.H21	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	10	5	5	50,00%	0,5	0,25	6	3	1	0,5	1	1							0,5	0,25		
159	3.000436.H21	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	135	55,75	79,25	58,70%	0,5	0,25	55	30	3	1	2	1	30	15	0	0	0	0	35	8	1,5	0,5

[illegible]

[illegible]

171	1.002409.H2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	8	4	4	50,00%	0,5	0,25	5	2,5	1	0,5	1	0,5								0,5	0,25
172	3.000128.H21	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	15	7,5	7,5	50,00%	0,25	0,25	11,5	5	2	1	1	1								0,25	0,25
173	3.000127.H21	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	15	7,5	7,5	50,00%	0,25	0,25	11,5	5	2	1	1	1								0,25	0,25
174	3.000130.H21	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	10	5	5	50,00%	0,25	0,25	7	3	1,5	0,5	1	1								0,25	0,25
175	1.002373.H2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	5	2,5	2,5	50,00%	0,5	0,25	2,5	1,25	1	0,5	0,5	0,25								0,5	0,25
176	1.014021.H21	Thu hồi giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đề nghị thu hồi giấy chứng	10	5	5	50,00%	0,25	0,25	5,5	1,5	1,25	0,5	0,5	0,25						2	2	0,5	0,5
			10	5	5		0,25	0,25	5,5	1,5	1,25	0,5	0,5	0,25						2	2	0,5	0,5
177	3.000496.H21	Cấp lại mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục Công ước CITES	3	0	0	50,00%																	
			15	7,5	7,5		0,5	0,25	13	6	1	1										0,5	0,25
			24	12	12		0,5	0,25	15	6,5	4	1			4	4						0,5	0,25
			9	0	0																		
178	1.014271.H21	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	30	15	15	50,00%	0,5	0,25	20	7,25	1	1	1	1						7	5	0,5	0,5
179	1.014273.H21	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản (cấp tỉnh)	30	14,75	15,25	50,83%	0,5	0,25	20	7	1	1	1	1						7	5	0,5	0,5

180	1.014270.H21	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.	40	18	22	55,00%	0,5	0,5	30	10	1	1	1	1					7	5	0,5	0,5
181	1.014272.H21	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản.	70	35	35	50,00%	0,5	0,25	60	27,25	1	1	1	1					7	5	0,5	0,5
182	1.014274.H21	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.	65	32,5	32,5	50,00%	0,5	0,25	49	19,75	2	1	1	1					12	10	0,5	0,5
183	1.014276.H21	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.	60	30	30	50,00%	0,5	0,25	49	22,25	2	1	1	1					7	5	0,5	0,5
184	1.014277.H21	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản.	30	15	15	50,00%	0,5	0,25	20	7,25	1	1	1	1					7	5	0,5	0,5
185	1.014278.H21	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.	50	27,75	22,25	44,50%	0,5	0,25	39	19	2	2	1	1					7	5	0,5	0,5
186	1.014279.H21	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	30	18	12	40,00%	0,5	0,5	20	10	1	1	1	1					7	5	0,5	0,5
187	1.014260.H21	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đầu giá quyền khai thác khoáng sản (Cấp tỉnh)	30	18	12	40,00%	0,5	0,5	20	10	1	1	1	1					7	5	0,5	0,5
188	1.014267.H21	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.	40	18	22	55,00%	0,5	0,5	30	10	1	1	1	1					7	5	0,5	0,5
189	1.014266.H21	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.	40	16	24	60,00%	0,5	0,5	30	8	1	1	1	1					7	5	0,5	0,5
190	1.014269.H21	Trà lại giấy phép khai thác khoáng sản.	40	16	24	60,00%	0,5	0,5	30	8	1	1	1	1					7	5	0,5	0,5
191	1.014259.H21	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp xã)	90	45	45	50,00%	0,5	0,5	87	42	1	1	1	1							0,5	0,5
192	1.014258.H21	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp xã)	47	23,5	23,5	50,00%	0,5	0,5	38	14,5	1	1	7	7							0,5	0,5

193	1.014295.H21	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	90	45	45	50,00%	0,5	0,5	86	41	2	2	1	1								0,5	0,5
194	1.014283.H21	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	18	9	9	50,00%	0,5	0,25	9	3	2	0,5	1	1						5	3,75	0,5	0,5
195	1.014281.H21	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18	9	9	50,00%	0,5	0,25	9	3	2	0,5	1	1						5	3,75	0,5	0,5
196	1.014280.H21	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18	9	9	50,00%	0,5	0,25	9	3	2	0,5	1	1						5	3,75	0,5	0,5
197	1.014282.H21	Trà lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	18	9	9	50,00%	0,5	0,25	9	3	2	0,5	1	1						5	3,75	0,5	0,5
198	1.014286.H21	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	25	12,5	12,5	50,00%	0,5	0,25	14	4,75	2	1	1	1						7	5	0,5	0,5
199	1.014263.H21	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	30	13,75	16,25	54,17%	0,5	0,25	20	6	1	1	1	1						7	5	0,5	0,5
200	1.014262.H21	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (Cấp tỉnh)	40	20	20	50,00%	0,5	0,5	30	12	1	1	1	1						7	5	0,5	0,5
201	1.014264.H21	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	30	15	15	50,00%	0,5	0,25	20	7,25	1	1	1	1						7	5	0,5	0,5
202	1.014265.H21	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản.	70	35	35	50,00%	0,5	0,25	60	27,25	1	1	1	1						7	5	0,5	0,5
203	1.014268.H21	Trà lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	30	15	15	50,00%	0,5	0,25	20	7,25	1	1	1	1						7	5	0,5	0,5
204	1.014257.H21	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản.	70	35	35	50,00%	0,5	0,25	60	27,25	1	1	1	1						7	5	0,5	0,5
205	1.014256.H21	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	47	32	15	31,91%	0,5	0,5	30	15	2	2	1	1						13	13	0,5	0,5

[illegible]

[illegible]

223	3.000160.000.00.00.H21	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	5	2,5	250%	50,00%	0,5	0,25	3	1,5	0,5	0,25	0,5	0,25							0,5	0,25
			13	6,5	650%		0,5	0,25	11	5,5	0,5	0,25	0,5	0,25								0,5
224	1.013827.H21	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa.	7	5	2	28,57%	0,5	0,25	4,5	3	0,5	0,5	1	1							0,5	0,25
225	1.014285.H21	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.	30	15	15	50,00%	0,5	0,5	19	11,5	2	2	1	1								
226	1.011769.H21	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	75	37,5	37,5	50,00%	0,5	0,25	21	14,75	6	1	2,5	1	15	5			29,5	15	0,5	0,5
227	1.012994.H21	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	30	15	15	50,00%	0,5	0,25	25	12,25	2	1	2	1							0,5	0,5
228	3.000327.H21	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	60	30	30	50,00%	0,5	0,25	50	27,5	2,5	1	6,5	1							0,5	0,25
229	3.000326.H21	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại- đối với tài sản tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý	30	15	15	50,00%	0,25 0,25		24	12,5	2,25	1	3	1							0,5	0,25
			75	37,5	37,5		0,5	0,25	35	15	3,5	1	6,5	1					29	20	0,5	0,25
230	3.000324.H21	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	105	52,5	52,5	50,00%	0,5	0,25	52	24,75	5,5	1	10	1					36	25	1	0,5
231	3.000328.H21	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi\	45	22,5	22,5	50,00%	0,5	0,25	25	13,5	2,5	1	7	1					9,5	6,5	0,5	0,25
			75	37,25	37,75	50,33%	0,5	0,25	73,5	36,25	0,5	0,5	0	0							0,5	0,25

Phụ lục 7
Danh mục 153 thủ tục hành chính thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết
thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Khoa và Công nghệ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT							CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THỜI GIAN CẮT GIẢM																	
							(GHI RÕ ĐƠN VỊ TÍNH: GIỜ/NGÀY/NGÀY LÀM VIỆC Ở TỪNG BƯỚC)																	
							TIẾP NHẬN		CHUYÊN VIÊN XỬ LÝ		LÃNH ĐẠO CHUYÊN MÔN (Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Chi cục)		LÃNH ĐẠO CƠ QUAN (Sở/Xã)		LẤY Ý KIẾN (bao gồm các bước có lấy ý kiến, niêm yết công khai, tập hợp đồng thuận định)		KIỂM TRA THỰC ĐỊA		CƠ QUAN THUẾ		VĂN PHÒNG UBND TỈNH		VĂN THƯ VIỆN SỞ TRẢ KẾT QUẢ	
		Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết hiện nay	Đơn vị tính	TỔNG THỜI GIAN CÒN LẠI SAU KHI CẮT GIẢM	THỜI GIAN ĐÃ CẮT GIẢM	TỶ LỆ BÌNH QUÂN ĐÃ CẮT GIẢM	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm
1		1.011939.H21	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sơ hữu công nghiệp (cấp tỉnh)	90	Ngày	45,5	44,5	49,44%	0,5	0,5	82,5	40	0,5	0,5	1	0,5					5	3,5	0,5	0,5
2		2.001179.000.00.00.H21	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	10	Ngày	6	4	40,00%	0,5	0,25	3,5	2	1	0,5	0,5	0,25					3,5	2,5	1	0,5
3		2.001143.000.00.00.H21	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.	30	Ngày làm việc	15,5	14,5	48,33%	0,5	0,5	16	8	3	2	2	1					7,5	3	1	1
4		2.001137.000.00.00.H21	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.	30	Ngày làm việc	19	11	36,67%	0,5	0,5	16	10	3,5	1,5	2	1					7,5	5	1	1
5		1.002690.000.00.00.H21	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.	30	Ngày làm việc	19	11	36,67%	0,5	0,5	16	10	3,5	1,5	2	1					7,5	5	1	1
6		2.001643.000.00.00.H21	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	30	Ngày làm việc	16	14	46,67%	0,5	0,5	16	7	3,5	1,5	2	1					7,5	5	1	1
7		1.003659.000.00.00.H21	Cấp giấy phép bưu chính (cấp tỉnh)	20	Ngày	10	10	50,00%	0,5	0,5	15	7	2	1	2	1							0,5	0,5

8	1.004379.000 00.00.H21	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tính)	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,5	0,5	4	2	1	0,5	1	1								0,5	0,5	
9	1.005442.000 00.00.H21	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (cấp tính)	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,5	0,5	4	2	1	0,5	1	1								0,5	0,5	
10	1.003687.000 00.00.H21	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (cấp tính)	10	Ngày làm việc	5,5	4,5	45,00%	0,5	0,5	6	3	2	1	1	0,5								0,5	0,5	
11	1.003633.000 00.00.H21	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (cấp tính)	10	Ngày làm việc	5,5	4,5	45,00%	0,5	0,5	6	3	2	1	1	0,5								0,5	0,5	
12	2.001208.000 00.00.H21	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (cấp tính)	25	Ngày	13,25	11,75	47,00%	0,5	0,25	16	7,5	3	2	1	0,5							3,5	2,5	1	0,5
13	2.001100.000 00.00.H21	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định (cấp tính)	25	Ngày	13,25	11,75	47,00%	0,5	0,25	16	7,5	3	2	1	0,5							3,5	2,5	1	0,5

[illegible]

18	2.001207.000 .00.00.H21	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	5	Ngày	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	1,5	2	1,5										0,5	0,25
19	2.001525.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	1,75	1	0,75	1	0,5								0,5	0,25
20	1.001392.000 .00.00.H21	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu (cấp tỉnh)	5	Ngày làm việc	3,25	1,75	35,00%	0,5	0,25	2	2	2	0,75										0,5	0,25
21	2.000079.000 .00.00.H21	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tinh mang, sức khỏe con người	45	Ngày làm việc	21,5	23,5	52,22%	0,5	0,25	0,5	0,5	41	20	2	0,5								1	0,25
22	2.002249.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	2	1	0,5	1	0,5								0,5	0,25
23	2.002248.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	2	1	0,5	1	0,5								0,5	0,25
24	2.002382.000 .00.00.H21	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	10	Ngày làm việc	7	3	30,00%	0,5	0,25	3	2,5	1,5	0,75	1	0,75						3	2	1	0,75
25	2.002383.000 .00.00.H21	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	23	Ngày	12,5	10,5	45,65%	0,5	0,25	14,5	7	1,5	1	1	0,5						4,5	3	1	0,75

26	2.002385.000.00.00.H21	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	5	Ngày làm việc	4,5	0,5	10,00%	0,5	0,25	0,25	1	0,75	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
27	2.002384.000.00.00.H21	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	10	Ngày làm việc	7	3	30,00%	0,5	0,25	3	2,5	1,5	0,75	1	0,75							3	2	1	0,75
28	2.002544.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	15	Ngày làm việc	6,75	8,25	55,00%	0,5	0,25	10,5	5	1,5	0,75	2	0,5									0,5	0,25
29	2.002548.H21	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	5	Ngày làm việc	3	2	40,00%	0,5	0,25	2	1,5	1	0,5	1	0,5									0,5	0,25
30	2.002546.H21	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ)	10	Ngày làm việc	5	5	50,00%	0,5	0,25	6	3,5	1	0,5	2	0,5									0,5	0,25
31	1.011812.H21	(Cấp tỉnh) Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	22	Ngày làm việc	12	10	45,45%	0,5	0,5	14	7	1	0,5	1	0,5							4,5	3	1	0,5
32	1.011814.H21	(Cấp tỉnh) Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	22	Ngày làm việc	12	10	45,45%	0,5	0,5	14	7	1	0,5	1	0,5							4,5	3	1	0,5
33	1.011815.H21	(Cấp tỉnh) Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến	25	Ngày làm việc	14	11	44,00%	0,5	0,5	16,5	8	0,5	0,5	1	0,5							6	4	0,5	0,5

[illegible]

39	1.013819.H2 1	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	45	Ngày	21,25	23,75	52,78%	0,5	0,25	30	10	1	1	1	0,5						12	9	0,5	0,5
40	1.013877.H2 1	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	45	Ngày	21,25	23,75	52,78%	0,5	0,25	30	10	1	1	1	0,5						12	9	0,5	0,5
41	1.013940.H2 1	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	10	Ngày làm việc	6	4	40,00%	0,25	0,25	6	2,5	0,75	0,5	0,5	0,25						2	2	0,5	0,5
42	1.013939.H2 1	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	10	Ngày làm việc	6	4	40,00%	0,25	0,25	6	2,5	0,75	0,5	0,5	0,25						2	2	0,5	0,5
43	1.013943.H2 1	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ -	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,25	1,5	0,5	0,75	0,5	0,5	0,25						1,5	1,5	0,5	0,5
44	1.013944.H2 1	Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng (trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư -	10	Ngày làm việc	6	4	40,00%	0,25	0,25	6	2,5	0,75	0,5	0,5	0,25						2	2	0,5	0,5

45	1.013901.H2 1	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	15	Ngày	8,75	6,25	41,67%	0,5	0,25	4	2	1	0,5	1	0,5						8	5	0,5	0,5
46	1.013957.H2 1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	10	Ngày làm việc	6	4	40,00%	0,25	0,25	6	2,5	0,75	0,5	0,5	0,25						2	2	0,5	0,5
47	1.013969.H2 1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân.	10	Ngày làm việc	6	4	40,00%	0,25	0,25	6	2,5	0,75	0,5	0,5	0,25						2	2	0,5	0,5
48	2.002795.H2 1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ương tạo công nghệ cao, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao	22	Ngày làm việc	12	10	45,45%	0,5	0,25	11,5	5	1,5	0,75	1	0,5						6,5	5	1	0,5
49	1.013905.H2 1	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cố định không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15	Ngày	8,75	6,25	41,67%	0,5	0,25	4	3	1	0,5	1	0,5						8	4	0,5	0,5
50	1.013906.H2 1	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	15	Ngày	7,75	7,25	48,33%	0,5	0,25	4	2	1	0,5	1	0,5						8	4	0,5	0,5

51	1.013907.H2 1	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15	Ngày	8,25	6,75	45,00%	0,5	0,25	4	2	1	1	1	0,5						8	4	0,5	0,5
52	1.013909.H2 1	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10	Ngày	6,25	3,75	37,50%	0,5	0,25	3,5	2	1	0,5	1	0,5						3,5	2,5	0,5	0,5
53	1.013911.H2 1	Hoàn trả số thuế bao đi đồng H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	15	Ngày	8,25	6,75	45,00%	0,5	0,25	4	2	1	1	1	0,5						8	4	0,5	0,5
54	2.002777.H2 1	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghe cá	11	Ngày	6,75	4,25	38,64%	0,5	0,25	5,5	2	1	1	1	0,5						2	2	1	1
55	2.002790.H2 1	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	22	Ngày	11,25	10,75	48,86%	0,5	0,25	15,5	6	1	0,5	1	0,5						3	3	1	1
56	2.002780.H2 1	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	7	Ngày làm việc	5,75	1,25	17,86%	0,5	0,25	2,5	2	1	1	1	0,5						1	1	1	1
57	2.002792.H2 1	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viễn hàng hải	10	Ngày làm việc	6,25	3,75	37,50%	0,5	0,25	4,5	1,5	1	1	1	0,5						2	2	1	1

58	1.013928.H2 1	Thủ tục ghi nhân thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20	Ngày	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	11,5	5	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
59	1.013954.H2 1	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	20	Ngày	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	11,5	5	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
60	1.013958.H2 1	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	20	Ngày	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	11,5	5	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
61	1.013973.H2 1	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	60	Ngày	29,75	30,25	50,42%	0,5	0,25	52,5	25	0,5	0,5	1	0,5						5	3	0,5	0,5
62	3.000463.H2 1	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,25	2	1	1	0,5	0,25	0,25						1	1	0,5	0,5
63	2.002775.H2 1	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	7	Ngày làm việc	5,75	1,25	17,86%	0,5	0,25	2,5	2	1	1	1	0,5						1	1	1	1
64	2.002776.H2 1	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	7	Ngày	4,25	2,75	39,29%	0,5	0,25	2,5	1	1	0,5	1	0,5						1	1	1	1
65	2.002787.H2 1	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	11	Ngày làm việc	6,25	4,75	43,18%	0,5	0,25	5,5	2	1	0,5	1	0,5						2	2	1	1
66	2.002779.H2 1	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	11	Ngày làm việc	6,5	4,5	40,91%	0,5	0,5	5,5	2	1	0,5	1	0,5						2	2	1	1
67	2.002788.H2 1	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	22	Ngày	12	10	45,45%	0,5	0,5	15,5	6	1	1	1	0,5						3	3	1	1

68	1.013935.H2 1	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	20	Ngày	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	13,5	5	1	1	1	0,5						3	2,5	1	1
69	1.013919.H2 1	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.	20	Ngày	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	11,5	5	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
70	1.013924.H2 1	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20	Ngày	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	11,5	5	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
71	1.013925.H2 1	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp	20	Ngày	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	11,5	5	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
72	1.013960.H2 1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân	10	Ngày làm việc	5,5	4,5	45,00%	0,25	0,25	6	2	0,75	0,5	0,5	0,25						2	2	0,5	0,5
73	1.013961.H2 1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao-	20	Ngày làm việc	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	11	5	1,5	1	2	0,5						4	2,5	1	1
74	1.013964.H2 1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức.	10	Ngày làm việc	5,5	4,5	45,00%	0,25	0,25	6	2	0,75	0,5	0,5	0,25						2	2	0,5	0,5
75	1.013903.H2 1	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông cố hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP	15	Ngày	7,75	7,25	48,33%	0,5	0,25	4	2	1	0,5	1	0,5						8	4	0,5	0,5

76	2.002794.H2 1	Cấp giấy chứng nhân doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	22	Ngày làm việc	9,25	12,75	57,95%	0,5	0,25	15	5	1,5	1	1	0,5						3	2	1	0,5
77	1.013902.H2 1	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ- CP	15	Ngày	7,75	7,25	48,33%	0,5	0,25	4	2	1	0,5	1	0,5						8	4	0,5	0,5
78	1.013904.H2 1	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ- CP	15	Ngày	7,75	7,25	48,33%	0,5	0,25	4	2	1	0,5	1	0,5						8	4	0,5	0,5
79	1.013976.H2 1	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	15	Ngày	7,75	7,25	48,33%	0,5	0,25	4	2	1	0,5	1	0,5						8	4	0,5	0,5

80	1.013908.H2 1	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, khai hình dịch vụ viễn thông có định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông có định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	10	Ngày	6,25	3,75	37,50%	0,5	0,25	3,5	2	1	0,5	1	0,5						3,5	2,5	0,5	0,5
81	1.013910.H2 1	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đầu giá	15	Ngày	7,75	7,25	48,33%	0,5	0,25	4	2	1	0,5	1	0,5						8	4	0,5	0,5
82	2.002785.H2 1	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	7	Ngày làm việc	5,75	1,25	17,86%	0,5	0,25	2,5	2	1	1	1	0,5						1	1	1	1
83	2.002786.H2 1	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	11	Ngày	7	4	36,36%	0,5	0,5	5,5	2	1	1	1	0,5						2	2	1	1
84	1.013917.H2 1	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	1,5	0,75	1	0,5	0,5	0,5						1	1	0,5	0,5
85	2.002793.H2 1	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	10	Ngày làm việc	5,75	4,25	42,50%	0,5	0,25	4,5	1,5	1	0,5	1	0,5						2	2	1	1
86	1.013955.H2 1	Thủ tục đăng ký dự kiến nghiep vụ đài điện số hữu công nghiệp	20	Ngày	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	11,5	5	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
87	1.013966.H2 1	Thủ tục cấp pho bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/pho bản văn bằng bảo hộ	30	Ngày	14,25	15,75	52,50%	0,5	0,25	21,5	9	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5

88	1.013951.H2 1	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	45	Ngày	19	26	57,78%	1	0,25	32	10	2	1,5	1,5	1							7	5	1,5	1,25
89	2.002791.H2 1	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viễn hàng hải	20	Ngày	16	4	20,00%	0,5	0,25	13,5	10,5	1	0,75	1	0,5							3	3	1	1
90	1.013916.H2 1	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20	Ngày	10.25	9,75	48,75%	0,5	0,25	11,5	5	1	0,5	1	0,5							5	3,5	1	0,5
91	1.013948.H2 1	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	5	Ngày làm việc	4,5	0,5	10,00%	0,5	0,25	0,25	1	0,75	0,5	0,5	0,25							2	2	1	0,5
92	3.000450.H2 1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,25	2	1	1	0,5	0,25	0,25							1	1	0,5	0,5
93	3.000455.H2 1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	10	Ngày làm việc	6,25	3,75	37,50%	0,25	0,25	5	3	1,75	0,75	1	0,5							1,5	1,5	0,5	0,25
94	3.000456.H2 1	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	10	Ngày làm việc	6,25	3,75	37,50%	0,25	0,25	5	3	1,75	0,75	1	0,5							1,5	1,5	0,5	0,25

95	1.013942.H2 1	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	20	Ngày	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	11,5	5	1	0,5	1	0,5							5	3,5	1	0,5
96	1.013971.H2 1	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	10	Ngày làm việc	6,5	3,5	35,00%	0,5	0,25	3	2	1,5	0,75	1	0,75							3	2	1	0,75
97	3.000451.H2 1	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	10	Ngày làm việc	7	3	30,00%	0,25	0,25	5	3	1,75	1,25	1	0,75							1,5	1,5	0,5	0,25
98	3.000453.H2 1	Thủ tục cấp đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	10	Ngày làm việc	6,5	3,5	35,00%	0,25	0,25	5	2,5	1,75	1,25	1	0,75							1,5	1,5	0,5	0,25
99	3.000454.H2 1	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,125	2	1,25	1	0,75	0,5	0,25							1	1	0,25	0,125
100	3.000459.H2 1	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,125	2	1,25	1	0,75	0,5	0,25							1	1	0,25	0,125

101	3.000457.H2 1	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,25	2	1	1	0,75	0,5	0,25							1	1	0,25	0,25
102	3.000464.H2 1	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,25	2	1	1	0,75	0,5	0,25							1	1	0,25	0,25
103	3.000458.H2 1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	10	Ngày làm việc	6,5	3,5	35,00%	0,25	0,25	5	3	1,75	1	1	0,5							1,5	1,5	0,5	0,25
104	3.000460.H2 1	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	10	Ngày làm việc	6,5	3,5	35,00%	0,25	0,25	5	3	1,75	1,25	1	0,75							1,5	1	0,5	0,25
105	3.000461.H2 1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	10	Ngày làm việc	6,25	3,75	37,50%	0,25	0,25	5	3	1,75	0,75	1	0,5							1,5	1,5	0,5	0,25
106	1.013913.H2 1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	20	Ngày	11,25	8,75	43,75%	0,5	0,25	12	6	1	0,5	1	0,5							5	3,5	0,5	0,5

107	1.013900.H2 1	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15	Ngày	8,25	6,75	45,00%	0,5	0,25	4	2	1	1	1	0,5						8	4	0,5	0,5
108	1.013899.H2 1	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)	15	Ngày	8,25	6,75	45,00%	0,5	0,25	4	2	1	1	1	0,5						8	4	0,5	0,5
109	2.002781.H2 1	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	11	Ngày làm việc	6,75	4,25	38,64%	0,5	0,25	5,5	2	1	1	1	0,5						2	2	1	1
110	2.002783.H2 1	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	11	Ngày làm việc	7,25	3,75	34,09%	0,5	0,25	5,5	2,5	1	1	1	0,5						2	2	1	1
111	1.013912.H2 1	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	1,5	0,75	1	0,5	0,5	0,5						1	1	0,5	0,5
112	1.013915.H2 1	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nối dung thông tin trên mạng viễn thông di động	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	1,5	0,75	1	0,5	0,5	0,5						1	1	0,5	0,5
113	2.002779.H2 1	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	7	Ngày làm việc	5,75	1,25	17,86%	0,5	0,25	2,5	2	1	1	1	0,5						1	1	1	1

114	2.002778.H2 1	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiền nghề cá	7	Ngày làm việc	5,75	1,25	17,86%	0,5	0,25	2,5	2	1	1	1	0,5						1	1	1	1
115	2.002782.H2 1	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghề ngư	7	Ngày làm việc	4,25	2,75	39,29%	0,5	0,25	2,5	1	1	0,5	1	0,5						1	1	1	1
116	2.002789.H2 1	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	14	Ngày	8,75	5,25	37,50%	0,5	0,25	8,5	4	1	1	1	0,5						2	2	1	1
117	1.013914.H2 1	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	1,5	0,75	1	0,5	0,5	0,5						1	1	0,5	0,5
118	1.013972.H2 1	Thủ tục cấp phở bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp.	30	Ngày	15,25	14,75	49,17%	0,5	0,25	21,5	10	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
119	1.013968.H2 1	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	60	Ngày	25,25	34,75	57,92%	0,5	0,25	51,5	20	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
120	1.013970.H2 1	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	30	Ngày	15,25	14,75	49,17%	0,5	0,25	21,5	10	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
121	3.000462.H2 1	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	10	Ngày làm việc	5,75	4,25	42,50%	0,25	0,25	5	2,5	1,75	0,75	1	0,5						1,5	1,5	0,5	0,25
122	1.013927.H2 1	Thủ tục Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ -	15	Ngày làm việc	7,75	7,25	48,33%	0,5	0,25	8,5	4	1	0,5	1	0,5						3	2	0,75	0,5

123	1.013922.H2 1	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	30	Ngày	15,25	14,75	49,17%	0,5	0,25	21,5	10	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
124	1.013936.H2 1	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ -	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,25	1,5	0,5	0,75	0,5	0,5	0,25						1,5	1,5	0,5	0,5
125	1.013956.H2 1	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	20	Ngày	11,25	8,75	43,75%	0,5	0,25	11,5	6	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
126	1.013918.H2 1	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ -	30	Ngày làm việc	14,75	15,25	50,83%	0,5	0,25	21,5	10	1,5	1	1,5	0,5						4	2,5	1	0,5
127	1.013963.H2 1	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	20	Ngày	11,25	8,75	43,75%	0,5	0,25	11,5	6	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
128	1.013931.H2 1	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	10	Ngày làm việc	6	4	40,00%	0,25	0,25	6	2,5	0,75	0,5	0,5	0,25						2	2	0,5	0,5
129	1.013933.H2 1	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ -	10	Ngày làm việc	6	4	40,00%	0,25	0,25	6	2,5	0,75	0,5	0,5	0,25						2	2	0,5	0,5
130	1.013959.H2 1	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	20	Ngày	11,25	8,75	43,75%	0,5	0,25	11,5	6	1	0,5	1	0,5						5	3,5	1	0,5
131	1.013974.H2 1	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bất buộc	60	Ngày	25	35	58,33%	0,5	0,25	52,5	20,25	0,5	0,5	1	0,5						5	3	0,5	0,5
132	3.000477.H2 1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyển giao tư vấn độc lập	10	Ngày	6,75	3,25	39,38%	0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5						2	2	0,5	0,25
			20	Ngày	10,75	9,25		0,25	0,25	14,75	7	1,5	0,75	1	0,5						2	2	0,5	0,25

133	3.000472.H2 1	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường	7	Ngày làm việc	4,875	2,125	31,43%	0,5	0,125	2	1,5	1,5	0,75	1	0,75							1,5	1,5	0,5	0,25
			10	Ngày làm việc	6,75	3,25		0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5							2	2	0,5	0,25
134	3.000474.H2 1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tăng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã - hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tổ chức)	10	Ngày	6,75	3,25	32,50%	0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5							2	2	0,5	0,25
135	3.000476.H2	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia	10	Ngày	6,75	3,25	39,38%	0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5							2	2	0,5	0,25

	1	TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	20	Ngày	10,75	9,25		0,25	0,25	14,75	7	1,5	0,75	1	0,5						2	2	0,5	0,25
136	3.000478.H2.1	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập	10	Ngày	6,75	3,25	39,38%	0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5						2	2	0,5	0,25
			20	Ngày	10,75	9,25		0,25	0,25	14,75	7	1,5	0,75	1	0,5						2	2	0,5	0,25
137	3.000488.H2.1	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường.	7	Ngày làm việc	4,875	2,125	30,18%	0,5	0,125	2	1,5	1,5	0,75	1	0,75						1,5	1,5	0,5	0,25
			10	Ngày làm việc	7	3		0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5						2	2	0,5	0,5
		Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo	10	Ngày	6,75	3,25		0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5						2	2	0,5	0,25

138	3.000479.H2 1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ	20	Ngày	10,75	9,25	39,38%	0,25	0,25	14,75	7	1,5	0,75	1	0,5					2	2	0,5	0,25
139	3.000480.H2 1	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận	10	Ngày	6,75	3,25	39,38%	0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5					2	2	0,5	0,25
			20	Ngày	10,75	9,25		0,25	0,25	14,75	7	1,5	0,75	1	0,5					2	2	0,5	0,25
140	3.000470.H2 1	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,18%	0,25	0,25	1,75	1	1	0,75	0,5	0,25					1	1	0,5	0,25
			7	Ngày làm việc	4,875	2,125		0,25	0,125	3	2	1	0,75	1	0,5					1,25	1,25	0,5	0,25
141	3.000475.H2 1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn	10	Ngày	6,75	3,25	39,38%	0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5					2	2	0,5	0,25
			20	Ngày	10,75	9,25		0,25	0,25	14,75	7	1,5	0,75	1	0,5					2	2	0,5	0,25
142	3.000482.H2 1	Thủ tục cấp bổ sung thể chuyên gia tư vấn, thể chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận	10	Ngày	6,75	3,25	32,50%	0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	0,5	0,5					2	2	1	0,25
143	3.000484.H2 1	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành	10	Ngày	6,75	3,25	39,38%	0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5					2	2	0,5	0,25
			20	Ngày	10,75	9,25		0,25	0,25	14,75	7	1,5	0,75	1	0,5					2	2	0,5	0,25
		Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng	10	Ngày	6,75	3,25		0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5					2	2	0,5	0,25

144	3.000483.H2 1	19 của nước theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	20	Ngày	10,75	9,25	39,38%	0,25	0,25	14,75	7	1,5	0,75	1	0,5						2	2	0,5	0,25
145	3.000486.H2 1	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo	10	Ngày	6,75	3,25	32,50%	0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5						2	2	0,5	0,25
146	3.000487.H2 1	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ sung, điều chính phạm vi đào tạo	10	Ngày	6,75	3,25	32,50%	0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5						2	2	0,5	0,25
147	1.014204.H2 1	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	30	Ngày	15,5	14,5	48,33%	0,5	0,25	21,5	10	1,5	0,75	1	0,75						4,5	3	1	0,75
148	1.014206.H2 1	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	10	Ngày làm việc	6,5	3,5	35,00%	0,5	0,25	3	2	1,5	0,75	1	0,75						3	2	1	0,75

149	1.014207.H2 1	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	30	Ngày	16	14	46,67%	0,5	0,25	21,5	10	1,5	0,75	1	0,75							4,5	3,5	1	0,75
150	1.014205.H2 1	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.	10	Ngày làm việc	6,5	3,5	35,00%	0,5	0,25	3	2	1,5	0,75	1	0,75							3	2	1	0,75
151	1.006222.H2 1	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ	30	Ngày	14,75	15,25	50,83%	0,5	0,25	22,5	10	0,5	0,5	1	0,5							4,5	2,5	1	1
152	1.006221.H2 1	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp	30	Ngày	14,75	15,25	50,83%	0,5	0,25	22,5	10	0,5	0,5	1	0,5							4,5	2,5	1	1
153	3.000469.H2 1	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lượng dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	40,72%	0,5	0,25	2	1,5	1,5	0,75	1	0,75							1,5	1	0,5	0,5

			10	Ngày làm việc	6,5	3,5		0,25	0,25	4,75	3	1,5	0,75	1	0,5							2	1,5	0,5	0,5
--	--	--	----	---------------	-----	-----	--	------	------	------	---	-----	------	---	-----	--	--	--	--	--	--	---	-----	-----	-----

[illegible]

19	1.001778.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	3	2	2	0,5	1	0,5							0,5	0,25
20	1.003002.000 .00.00.H21	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,5	2	1,5	1	0,5	1	0,5							0,5	0,5
21	1.001056.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%																
22	1.001500.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%																
23	1.005162.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%																
24	1.001517.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%																
25	1.001527.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%																
26	1.001671.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhập ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	4	2	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25
27	1.004580.000 .00.00.H21	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20	Ngày	9	11	55,00%	2	1	8	3	4	2	4	2							2	1
28	1.001833.000 .00.00.H21	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	3	2	2	0,5	1	0,5							0,5	0,25
29	1.001809.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	4	2	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25
30	1.003490.000 .00.00.H21	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	55	Ngày	18,5	36,5	66,36%	2	1	20	5	16	4	15	7,5							2	1

[illegible]

42	1.001191.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vi mục đích thương mại	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	3	2	2	0,5	1	0,5								0,5	0,25
			15	Ngày làm việc	7,5	7,5		0,5	0,25	11	6	2	0,5	1	0,5								0,5	0,25
43	2.001091.000 .00.00.H21	Giá hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương)	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	2	1	0,5	1	0,5								0,5	0,25
44	1.001182.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vi mục đích thương mại	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	3	2	2	0,5	1	0,5								0,5	0,25
			15	Ngày làm việc	7,5	7,5		0,5	0,25	11	6	2	0,5	1	0,5								0,5	0,25
45	1.001147.000 .00.00.H21	Thủ tục thông báo tổ chức trên lâm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vi mục đích thương mại	7	Ngày làm việc	3	4	53,57%	0,5	0,25	3	1,5	2	0,5	1	0,5								0,5	0,25
			15	Ngày làm việc	7,5	7,5		0,5	0,25	11	6	2	0,5	1	0,5								0,5	0,25
46	2.001765.000 .00.00.H21	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	12	Ngày làm việc	6	6	50,00%	0,5	0,25	7	3	2	1	2	1,5								0,5	0,25
47	1.003384.000 .00.00.H21	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	8	Ngày làm việc	5	3	37,50%	0,5	0,25	4,5	3	1,5	1	1	0,5								0,5	0,25
48	2.001631.000 .00.00.H21	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30	Ngày làm việc	12	18	60,00%	0,5	0,25	25	10	2	1	1	0,5								0,5	0,25
49	1.003838.000 .00.00.H21	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	10	Ngày làm việc	5	5	50,00%	0,25	0,25	6	3	2	1	1	0,5								1	0,25
50	2.001613.000 .00.00.H21	Thủ tục xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	15	Ngày làm việc	7	8	53,33%	0,5	0,25	10	5	2	1	1	0,5								0,5	0,25
51	1.003793.000 .00.00.H21	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	30	Ngày	18	12	40,00%	0,5	0,25	14	10	2	0,75	1	0,5						10,5	6	1	0,5

76	1.000594.000.00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	3	2	2	0,5	1	0,5						0,5	0,25	
77	1.000560.000.00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	3	2	2	0,5	1	0,5						0,5	0,25	
78	1.000544.000.00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	3	2	2	0,5	1	0,5						0,5	0,25	
79	1.000518.000.00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	3	2	2	0,5	1	0,5						0,5	0,25	
80	1.000501.000.00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quiln vợt	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	3	2	2	0,5	1	0,5						0,5	0,25	
81	1.000485.000.00.00.H21	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	3	2	2	0,5	1	0,5						0,5	0,25	
82	1.002445.000.00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	3	2	2	0,5	1	0,5						0,5	0,25	
83	1.001755.000.00.00.H21	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	7	Ngày làm việc	4	3	46,43%	0,5	0,25	1,5	1	1	0,5	1	0,5					2,5	1,5	0,5	0,25
			20	Ngày	10	10		0,5	0,5	1,5	1,5	1	0,5	1	0,5	10,5	3			4,5	3,5	1	0,5
84	1.001738.000.00.00.H21	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,5	0,25	1,5	1,5	1	0,5	1	0,5					2,5	1,5	0,5	0,25
85	1.001801.000.00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,5	0,25	3	3	2	0,5	1	0,5						0,5	0,25	
86	1.008201.000.00.00.H21	Thủ tục cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	1,5	1	0,75	1	0,75						0,5	0,25	
87	1.003725.000.00.00.H21	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (địa phương)	15	Ngày	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	10	4	2	1,5	2	1,5						0,5	0,25	

88	2.001594.000.00.00.H21	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	15	Ngày	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	10	4	2	1,5	2	1,5							0,5	0,25	
89	2.000794.000.00.00.H21	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,5	0,25	3	3	2	0,5	1	0,5							0,5	0,25	
90	1.003676.000.00.00.H21	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	17	Ngày làm việc	8,5	8,5	50,00%	0,25	0,25	6	2	1,75	0,5	1	0,5						7	5	1	0,25
91	1.001213.000.00.00.H21	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Môn tổ nước trên biển	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,5	0,25	3	3	2	0,5	1	0,5							0,5	0,25	
92	1.005357.000.00.00.H21	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,5	0,25	3	3	2	0,5	1	0,5							0,5	0,25	
93	1.009403.000.00.00.H21	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	2	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25	
			2	Ngày làm việc	0	0																		
94	1.009398.000.00.00.H21	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	15	Ngày làm việc	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	8	4	1	0,5	1	0,5						3,5	2	0,5	0,25
95	1.009399.000.00.00.H21	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	12	Ngày làm việc	6	6	50,00%	0,5	0,25	4	2	1	0,5	1	0,5						4	2	1,5	0,75
96	1.011454.H21	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp (tỉnh)	15	Ngày	8	7	46,67%	0,5	0,25	7	3,5	2	1	1	0,5						3	2	1,5	0,75
97	1.012080.H21	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	10	Ngày làm việc	4,5	5,5	55,00%	0,5	0,25	7	3	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25	

98	1.012082.H2 1	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	10	Ngày làm việc	4,5	5,5	55,00%	0,5	0,25	7	3	1	0,5	1	0,5								0,5	0,25
99	1.006412.H2 1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	15	Ngày làm việc	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,25	8	3	1	0,5	1	0,5						4	3	0,5	0,25
100	1.000871.H2 1	Thủ tục xét tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh" về văn học, nghệ thuật	80	Ngày	38,5	41,5	51,88%	15	0,5	42	12,5	4	1	2	1	45	20				4,5	3	1,5	0,5
101	1.000564.H2 1	Thủ tục xét tặng "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật	80	Ngày	38,5	41,5	51,88%	15	0,5	42	12,5	4	1	2	1	45	20				4,5	3	1,5	0,5
102	1.001376.H2 1	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	155	Ngày	69	86	55,48%	5	0,5	90	27	2	0,5	2	0,5	90	35				9,5	5	0,5	0,5

[illegible]

112	1.000963.H2 1	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	3	2	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25
113	1.013783.H2 1	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	10	Ngày làm việc	4,5	5,5	55,00%	0,5	0,25	5	2	2	1	2	1							0,5	0,25
114	1.013786.H2 1	Thủ tục cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	10	Ngày làm việc	7	3	30,00%	0,5	0,25	5	4	2	1,5	2	1							0,5	0,25
115	1.013698.H2 1	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,25	0,25	4	1,5	1,5	0,75	1	0,75							0,25	0,25
116	1.013788.H2 1	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	10	Ngày làm việc	4,5	5,5	55,00%	0,5	0,25	5	2	2	1	2	1							0,5	0,25
117	1.013785.H2 1	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	10	Ngày làm việc	4,5	5,5	55,00%	0,5	0,25	5	2	2	1	2	1							0,5	0,25
118	1.013782.H2 1	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	10	Ngày làm việc	4,5	5,5	55,00%	0,5	0,25	5	2	2	1	2	1							0,5	0,25
119	2.002772.H2 1	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,25	0,25	2	1,5	1,5	0,75	1	0,75							0,25	0,25
120	1.013699.H2 1	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	1,5	1,5	0,75	1	0,75							0,5	0,25
121	1.013781.H2 1	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2	1,5	1	0,75	1	0,75							0,5	0,25

[illegible]

132	1.013801.H2 1	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương)	20	Ngày làm việc	10	10	50,00%	0,25	0,25	16	8	2	1	1	0,5							1	0,25
133	1.014144.H2 1	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	5	Ngày làm việc	3	2	50,00%	0,5	0,5	2	1	1	0,5	1	0,5							0,5	0,5
			13	Ngày làm việc	6,5	6,5		1	1	5	1,5	3	1,5	3	1,5							1	1
134	1.014217.H2 1	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	4	2	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25
135	1.014218.H2 1	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	4	2	1	0,5	1	0,5							0,5	0,25
136	1.014310.H2 1	Thủ tục hướng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	5	Ngày làm việc	2,5	2,5	50,00%	0,5	0,25	2,5	1	1	0,5	0,5	0,5							0,5	0,25
137	1.014312.H2 1	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	15	Ngày làm việc	5,5	9,5	63,33%	0,5	0,5	11	3	2	1	1	0,5							0,5	0,5

Phụ lục 09
Danh mục 27 thủ tục hành chính thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết
thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

								CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THỜI GIAN CẮT GIẢM (GHI RÕ ĐƠN VỊ TÍNH: GIỜ/NGÀY/NGÀY LÀM VIỆC Ở TỪNG BƯỚC)																	
								TIẾP NHẬN		CHUYÊN VIÊN XỬ LÝ		LÃNH ĐẠO CHUYÊN MÔN (Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Chi cục)		LÃNH ĐẠO CƠ QUAN (Sở/Xã)		LẤY Ý KIẾN (bao gồm các bước có lấy ý kiến, niêm yết công khai, lập hội đồng thẩm định)		KIỂM TRA THỰC ĐỊA		CƠ QUAN THUẾ		VĂN PHÒNG UBND TỈNH		VĂN THƯ VÀO SỞ TRẢ KẾT QUẢ	
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết hiện nay	Đơn vị tính	TỔNG THỜI GIAN CÒN LẠI SAU KHI CẮT GIẢM	THỜI GIAN ĐÃ CẮT GIẢM	TỶ LỆ BÌNH QUÂN ĐÃ CẮT GIẢM	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm
1	1.012641.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP ĐĂNG KÝ PHÁP NHÂN PHI THUƠNG MẠI CHO TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRÚC THUỘC CỎ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	60	Ngày	28,5	31,5	52,50%	0,5	0,5	4	2	1,5	1	1	0,5	37	13					15	10,5	1	1
2	1.012628.H21	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NGƯỜI ĐƯỢC BỎ NHIỆM, BẦU CỬ, SUY CỬ LÀM CHỦC VIỆC CỦA TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CỎ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	20	Ngày	10	10	50,00%	0,5	0,5	16,5	7,5	1,5	1	1	0,5									0,5	0,5
3	1.012664.H21	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI HIỆN CHƯƠNG CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO CỎ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	30	Ngày	14,5	15,5	51,67%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	17	6					5	3,5	0,5	0,5

4	1.012657.H21	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM (CẤP TỈNH)	30	Ngày	14,5	15,5	51,67%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	17	6					5	3,5	0,5	0,5
5	1.012659.H21	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THUYỀN CHUYỂN CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NHÀ TU HÀNH LA NGƯỜI ĐANG BỊ BƯỚC TỘI HOẶC CHƯA ĐƯỢC XOÁ ẮN TÍCH (CẤP TỈNH)	30	Ngày	14,5	15,5	51,67%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	17	6					5	3,5	0,5	0,5
6	1.012632.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CHO TỔ CHỨC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	60	Ngày	29,5	30,5	50,83%	0,5	0,5	56,5	27	1,5	1	1	0,5								0,5	0,5	
7	1.012637.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢI THỂ TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRÚC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN CHƯƠNG CỦA TỔ CHỨC (CẤP TỈNH)	45	Ngày	20,5	24,5	54,44%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	32	12					5	3,5	0,5	0,5

8	1.012605.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỌP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH HOẶC Ở NHIỀU TỈNH (CẤP TỈNH)	30	Ngày	14,5	15,5	51,67%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	17	6					5	3,5	0,5	0,5
11	1.012646.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ MỜI CHỨC SÁC, NHÀ TU HÀNH LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐẾN GIẢNG ĐẠO CHO TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	30	Ngày	14,5	15,5	51,67%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	17	6					5	3,5	0,5	0,5
9	1.012648.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ MỜI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	30	Ngày	14,5	15,5	51,67%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	17	6					5	3,5	0,5	0,5
10	1.012658.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỌP PHÁP TẠI VIỆT NAM (CẤP TỈNH)	30	Ngày	14,5	15,5	51,67%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	17	6					5	3,5	0,5	0,5

11	1.012661.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRƯỚC THUỘC CỎ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	60	Ngày	27,5	32,5	54,17%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	37	12					15	10,5	0,5	0,5
12	1.012653.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM ĐẾN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁC (CẤP TỈNH)	30	Ngày	14,5	15,5	51,67%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	17	6					5	3,5	0,5	0,5
13	1.012639.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỰ GIẢI THỂ CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN CHUƠNG (CẤP TỈNH)	45	Ngày	21,5	23,5	52,22%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	32	13					5	3,5	0,5	0,5
14	1.012607.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRƯỚC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	30	Ngày	14,5	15,5	51,67%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	17	6					5	3,5	0,5	0,5

15	1.012606.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỎ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỌP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUÝ MÔ TỎ CHỨC Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH HOẶC Ở NHIỀU TỈNH (CẤP TỈNH)	30	Ngày	14,5	15,5	51,67%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	17	6					5	3,5	0,5	0,5
16	1.012672.H21	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Cấp Tỉnh)	60	Ngày	31,5	28,5	47,50%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	37	16					15	10,5	0,5	0,5
17	1.012645.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI TÊN CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CƠ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	30	Ngày	14,5	15,5	51,67%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	17	6					5	3,5	0,5	0,5
18	1.012656.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỌP PHÁP TẠI VIỆT NAM TRONG ĐỊA BÀN MỘT TỈNH (CẤP TỈNH)	30	Ngày	14,5	15,5	51,67%	1	1	4	2	1,5	1	1	0,5	17	6					5	3,5	0,5	0,5

19	1.012591.H21	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	15	Ngày	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,5	11,5	5	1,5	1	1	0,5								0,5	0,5
20	1.012590.H21	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	20	Ngày	9,5	10,5	52,50%	0,5	0,5	16,5	7	1,5	1	1	0,5								0,5	0,5
21	1.012582.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	20	Ngày	9,5	10,5	52,50%	0,5	0,5	16,5	7	1,5	1	1	0,5								0,5	0,5
22	1.012584.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	20	Ngày	9,5	10,5	52,50%	0,5	0,5	16,5	7	1,5	1	1	0,5								0,5	0,5
23	1.013798.H21	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIANG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỌP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỎ CHỨC TRONG MỘT XÃ	25	Ngày	12,5	12,5	50,00%	0,5	0,5	21,5	10	1,5	1	1	0,5								0,5	0,5
24	1.012655.H21	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung (Cấp Tỉnh)	45	Ngày	19,5	25,5	56,67%	1	1	4	2,5	1,5	1	1	0,5	32	10,5				5	3,5	0,5	0,5

[illegible]

Phụ lục 10
Danh mục 02 thủ tục hành chính thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Ngoại vụ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

							CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THỜI GIAN CẮT GIẢM (GHI RÕ ĐƠN VỊ TÍNH: GIỜ/NGÀY/NGÀY LÀM VIỆC Ở TỪNG BƯỚC)																		
							TIẾP NHẬN		CHUYÊN VIÊN XỬ LÝ		LÃNH ĐẠO CHUYÊN MÔN (Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Chi cục)		LÃNH ĐẠO CƠ QUAN (Sở/Xã)		LẤY Ý KIẾN (bao gồm các bước có lấy ý kiến, nắm ý kiến công khai, tập hội đồng thẩm định)		KIỂM TRA THỰC ĐỊA		CƠ QUAN THUẾ		VĂN PHÒNG UBND TỈNH		VĂN THƯ VIỆN SỔ TRẢ KẾT QUẢ		
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết hiện nay	Đơn vị tính	TỔNG THỜI GIAN CÒN LẠI SAU KHI CẮT GIẢM	THỜI GIAN ĐÃ CẮT GIẢM	TỶ LỆ BÌNH QUÂN ĐÃ CẮT GIẢM	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm
1	2.002311.000.00.00.H21	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	33	Ngày	18	15	62,95%	0,5	0,25	3,5	1,5	2,5	1	1	0,5	15	7	0	0	0	0	9,5	7,25	1	0,5
2	2.002313.000.00.00.H21	Thủ tục cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	33	Ngày	18	15	62,95%	0,5	0,25	3,5	1,5	2,5	1	1	0,5	15	7	0	0	0	0	9,5	7,25	1	0,5

								CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THỜI GIAN CẮT GIẢM (GHI RÕ ĐƠN VỊ TÍNH: GIỜ/NGÀY/NGÀY LÀM VIỆC Ở TỪNG BƯỚC)															
								TIẾP NHẬN		CHUYÊN VIÊN XỬ LÝ		LÃNH ĐẠO CHUYÊN MÔN (Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Chi cục)		LÃNH ĐẠO CƠ QUAN (Số/Xã)		LẤY Ý KIẾN (bao gồm các bước có lấy ý kiến, niêm yết công khai, lập hội đồng thẩm định)		KIỂM TRA THỰC ĐỊA		CƠ QUAN THUẾ		VĂN PHÒNG UBND TỈNH	
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết hiện nay	Đơn vị tính	TỔNG THỜI GIAN CÒN LẠI SAU KHI CẮT GIẢM	THỜI GIAN ĐÃ CẮT GIẢM	TỶ LỆ BÌNH QUÁN ĐÃ CẮT GIẢM	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm
1	1.012419.H2.1	Cấp lại giấy chứng nhận người có bệnh thuộc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	4,5	2,5	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
2	2.001942.000.00.00.H21	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	25	Ngày làm việc	12,5	12,5	50,00%	0,5	0,5	22,5	10	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
3	2.001944.000.00.00.H21	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	15	Ngày làm việc	8,5	6,5	43,33%	0,5	0,5	12,5	6	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
4	1.004941.000.00.00.H21	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	15	Ngày làm việc	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,5	12,5	5	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
5	2.001947.000.00.00.H21	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	7	Ngày làm việc	4,5	2,5	35,71%	0,5	0,25	5,5	3,5			0,5	0,5							0,5	0,25

[illegible]

13	1.000662.000.00.00.H21	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	10	Ngày làm việc	5,25	4,75	47,50%	0,5	0,25	7,5	3	1	1	0,5	0,5								0,5	0,5
14	2.001661.000.00.00.H21	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	9	Ngày làm việc	6,5	2,5	27,78%	0,5	0,5	1	1	0,5	0,5	0,5	0,5						6	3,5	0,5	0,5
15	2.000355.000.00.00.H21	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	10	Ngày làm việc	5,5	4,5	45,00%	0,5	0,5	7,5	3	1	1	0,5	0,5								0,5	0,5
16	1.001806.000.00.00.H21	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	10	Ngày làm việc	5,5	4,5	45,00%	0,5	0,5	7,5	3	1	1	0,5	0,5								0,5	0,5
17	2.000477.000.00.00.H21	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	4,5	2,5	1	1	0,5	0,5								0,5	0,5
18	2.000286.000.00.00.H21	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	10	Ngày làm việc	7	3	30,00%	0,5	0,5	4,5	2,5	1	1	0,5	0,5						3	2	0,5	0,5
			15	Ngày làm việc	10,5	4,5		0,5	0,5	7,5	4,5	1	1	0,5	0,5					5	3,5	0,5	0,5	
19	2.000025.000.00.00.H21	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	10	Ngày làm việc	6,5	3,5	35,00%	0,5	0,5	3,5	1	1	1	0,5	0,5						4	3	0,5	0,5

20	2.000027.000.00.00.H21	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	1,5	1	1	0,75	0,5	0,5							3	2	0,5	0,25
21	1.000091.000.00.00.H21	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	1,5	1	1	0,75	0,5	0,5							3	2	0,5	0,25
22	1.001776.000.00.00.H21	Thực hiện, điều chỉnh, thời lượng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	10	Ngày làm việc	7	3	30,00%	0,5	0,5	7,5	4,5	1	1	0,5	0,5									0,5	0,5
23	1.004539.H21	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	15	Ngày làm việc	10,5	4,5	30,00%	0,5	0,5	12,5	8	1	1	0,5	0,5									0,5	0,5
24	1.001386.H21	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng	15	Ngày làm việc	10,5	4,5	30,00%	0,5	0,5	12,5	8	1	1	0,5	0,5									0,5	0,5
25	1.009249.H21	Xét tặng giải thưởng Hai Thương Lân Ông về công tác y được cổ truyền	150	Ngày	133	17	11,33%	0,5	0,5	27	10	1	1	0,5	0,5	60	60	60	60					1	1

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

76	1.013850.H2 l	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	45	Ngày làm việc	22,5	22,5	49,15%	0,5	0,5	42,5	20	1	1	0,5	0,5								0,5	0,5
			30	Ngày làm việc	15,5	14,5		0,5	0,5	27,5	13	1	1	0,5	0,5								0,5	0,5
77	1.013841.H2 l	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á-Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025.	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2,5	1,5	1	0,75	0,5	0,5							0,5	0,5	
78	1.013891.H2 l	Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	30	Ngày	12,5	17,5	58,33%	0,5	0,5	27,5	10	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5	
79	1.013867.H2 l	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	30	Ngày	12,5	17,5	58,33%	0,5	0,5	27,5	10	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5	
80	1.013858.H2 l	Đăng ký bán công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	7	Ngày làm việc	4,75	2,25	32,14%	0,5	0,25	4,5	2,5	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5	
81	1.013854.H2	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực	45	Ngày làm việc	21,5	23,5	46,94%	0,5	0,5	42,5	19	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5	

		phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	30	Ngày làm việc	17,5	12,5		0,5	0,5	27,5	15	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
82	1.013870.H21	Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	10	Ngày	5,5	4,5	45,00%	0,5	0,5	7,5	3	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
83	1.013872.H21	Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2,5	1,5	1	0,75	0,5	0,5							0,5	0,5
84	1.013879.H21	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm kháng định HIV dương tính.	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	30,00%	0,5	0,25	2,5	1,5	1	0,75	0,5	0,5							0,5	0,5
85	1.013887.H21	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	30	Ngày	15,5	14,5	48,33%	0,5	0,5	27,5	13	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
86	1.013895.H21	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	60	Ngày	30,5	29,5	49,17%	0,5	0,5	57,5	28	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
87	1.013868.H21	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, hiệu lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia công hương, dạng chế phẩm, hạn sử	30	Ngày	15,5	14,5	51,25%	0,5	0,5	27,5	13	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
			60	Ngày	27,5	32,5		0,5	0,5	57,5	25	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
			30	Ngày	12,5	17,5		0,5	0,5	27,5	10	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5

88	1.013866.H2 l	Đông ký lưu hành một chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế..	60	Ngày	31,5	28,5	58,33%	0,5	0,5	57,5	29	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
			120	Ngày	62,5	57,5		0,5	0,5	117,5	60	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
89	1.013874.H2 l	Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	30	Ngày	21	9	30,00%	0,5	0,5	27,5	18,5	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
90	1.013892.H2 l	Định chi lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	5	Ngày làm việc	3,5	1,5	31,67%	0,5	0,25	2,5	1,5	1	0,75	0,5	0,5							0,5	0,5
			15	Ngày	7,5	7,5		0,5	0,5	12,5	5	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
91	1.013845.H2 l	Công nhân cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.	60	Ngày	27,5	32,5	54,17%	0,5	0,5	57,5	25	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5
92	1.012422.H2 l	Đề nghị xét tặng Danh hiệu “Thầy thuốc Nhân dân”, “Thầy thuốc Ưu tú”	180	Ngày	65,5	114,5	63,61%	0,5	0,5	37,5	25	1	1	0,5	0,5					49	37	1,5	1,5
93	1.013876.H2 l	Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần.	10	Ngày làm việc	5,5	4,5	45,00%	0,5	0,5	7,5	3	1	1	0,5	0,5							0,5	0,5

[illegible]

[illegible]

107	1.014105.H2 I	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn; hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thành phẩm dược.	7	Ngày làm việc	5	2	28,57%	0,25	0,25	1,75	1,25	1	0,5	0,5	0,5						3	2,25	0,5	0,25
			5	Ngày làm việc	5	0		0,25	0,25	1,25	1,25	0,5	0,5	0,25	0,25							2,5	2,5	0,25
108	1.014203.H2 I	Kiểm soát thay đổi thiết kế về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở sản xuất thuốc.	30	Ngày	21	9	30,00%	0,5	0,5	27,5	18,5	1	1	0,5	0,5								0,5	0,5
			10	Ngày	7	3		0,5	0,5	7,5	4,5	1	1	0,5	0,5									0,5
109	1.003068.H2 I	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	10	Ngày	4,5	5,5	30,39%	0,5	0,5	7,5	2	1	1	0,5	0,5								0,5	0,5
			65	Ngày	27,5	37,5		0,5	0,5	62,5	25	1	1	0,5	0,5									0,5

[illegible]

[illegible]

[illegible]

25	2.002603.H2 1	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Cấp tỉnh)	28	Ngày	13,5	14,5	51,79%	0,5	0,5	10	3	1,5	1,25	2	1	5	2					7	4,5	2	1,25
26	1.014156.H2 1	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	7	Ngày làm việc	3,5	3,5	50,00%	0,5	0,25	1	0,25	1	0,5	1	0,5							2,5	1,5	0,5	0,5
27	1.014158.H2 1	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	15	Ngày	10,5	4,5	30,00%	0,5	0,5	4	3	1	0,5	1	0,5							7	5,5	1,5	0,5
28	1.014155.H2 1	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	15	Ngày	7,5	7,5	50,00%	0,5	0,5	12	5,5	1	0,5	1	0,5									0,5	0,5
29	1.014157.H2 1	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	30	Ngày	20	10	33,33%	0,5	0,5	27	18	1	0,5	1	0,5									0,5	0,5
30	1.014316.H2 1	Thủ tục hỗ trợ chi phí	51	Ngày làm việc	25,5	25,5	50,00%	1	0,5	19	10	2	1,75	2	1,5	15	4					10	6,5	2	1,25

Phụ lục 13
Danh mục 117 thủ tục hành chính thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết
thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

								CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN THỜI GIAN CẮT GIẢM																	
								(GHI RÕ ĐƠN VỊ TÍNH: GIỜ/NGÀY/NGÀY LÀM VIỆC Ở TỪNG BƯỚC)																	
								TIẾP NHẬN		CHUYÊN VIÊN XỬ LÝ		LÃNH ĐẠO CHUYÊN MÔN (Lãnh đạo Phòng, Lãnh đạo Chi cục)		LÃNH ĐẠO CƠ QUAN (Sở/Xã)		LẤY Ý KIẾN (bao gồm các bước có lấy ý kiến, niêm yết công khai, lập hội đồng thẩm định)		KIỂM TRA THỰC ĐỊA		CƠ QUAN THUẾ		VĂN PHÒNG UBND TỈNH		VĂN THƯ VÀO SỔ TRẢ KẾT QUẢ	
STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời gian giải quyết hiện nay	Đơn vị tính	TỔNG THỜI GIAN CÒN LẠI SAU KHI CẮT GIẢM	THỜI GIAN ĐÃ CẮT GIẢM	TỶ LỆ BÌNH QUÂN ĐÃ CẮT GIẢM	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm	Trước cắt giảm	Sau cắt giảm
1	1.000729.000.00.00.H21	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	30	Ngày làm việc	13,25	16,75	55,83%	0,5	0,25	9	5	8,5	1	1,5	1							9,5	5	1	1
2	1.012964.H21	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	30	Ngày làm việc	9,25	20,75	69,17%	0,5	0,25	27	7	1	1	1	0,5									0,5	0,5
3	1.013760.H21	Chia, tích, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10	Ngày làm việc	7,75	2,25	22,50%	0,5	0,25	4,5	3	1	1	1	0,5							2	2	1	1
4	1.004552.000.00.00.H21	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	20	Ngày làm việc	7,25	12,75	63,75%	0,5	0,25	17	5	1	1	1	0,5									0,5	0,5
5	2.001842.000.00.00.H21	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	20	Ngày làm việc	7,25	12,75	63,75%	0,5	0,25	17	5	1	1	1	0,5									0,5	0,5
6	1.001639.000.00.00.H21	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	20	Ngày làm việc	7,25	12,75	63,75%	0,5	0,25	17	5	1	1	1	0,5									0,5	0,5
7	1.001622.000.00.00.H21	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	24	Ngày làm việc	16	8	33,33%	0,5	0,5	21	13	1	1	1	1									0,5	0,5
8	1.004889.000.00.00.H21	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương	20	Ngày	15,25	4,75	37,15%	0,5	0,25	4	3	2,5	1	2	0,5	5	5					4,5	4	1,5	1,5

[illegible]

17	1.004563.000.00.00.H21	Sắp nhập, chia, tách trường tiểu học	20	Ngày làm việc	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	17	8	1	1	1	0,5							0,5	0,5
18	1.000939.000.00.00.H21	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30	Ngày làm việc	15,25	14,75	49,17%	0,5	0,25	11	6	5	1	4	1	4	3			4,5	3	1	1
19	1.002407.000.00.00.H21	Xét, cấp học bổng chính sách	10	Ngày làm việc	5,25	4,75	47,50%	0,5	0,25	7	3	1	1	1	0,5							0,5	0,5
20	1.000259.000.00.00.H21	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	40	Ngày làm việc	12,75	27,25	68,13%	0,5	0,25	27	10	8	1	4	1							0,5	0,5
21	2.000632.000.00.00.H21	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực	20	Ngày làm việc	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	15	6	1	1	1	0,5					2	2	0,5	0,5
22	1.000553.000.00.00.H21	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phần hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	15	Ngày làm việc	8,75	6,25	41,67%	0,5	0,25	7	3	1	1	1	0,5					5	3,5	0,5	0,5
23	1.000509.000.00.00.H21	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	16	Ngày làm việc	11,75	4,25	26,56%	0,5	0,25	2	2	1,5	1	1	0,5	5	4			5	3,5	1	0,5
24	1.000482.000.00.00.H21	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	20	Ngày làm việc	10,75	9,25	46,25%	0,5	0,25	11	5	1,5	1	1	0,5					5	3,5	1	0,5
25	1.008723.000.00.00.H21	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thực, trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thực do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	20	Ngày làm việc	10,75	9,25	46,25%	0,5	0,25	4,5	2	2	1	2	0,5	5	3			4,5	3	1,5	1

[illegible]

34	2.002483.000 .00.00.H21	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	5	Ngày	3,75	1,25	25,00%	0,25	0,25	2	2	1	0,5	1	0,5							0,75	0,5
35	1.010927.H2 1	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phần hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	7	Ngày làm việc	5,25	1,75	25,00%	0,5	0,25	1	1	1	1	0,5	0,5					3	2	1	0,5
36	1.010928.H2 1	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10	Ngày làm việc	5,25	4,75	47,50%	0,5	0,25	6	3	2	1	1	0,5							0,5	0,5
37	2.002593.H2 1	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh	30	Ngày làm việc	15,25	14,75	49,17%	0,5	0,25	24	10	1,5	1,5	1	0,5					2	2	1	1
38	1.001492.H2 1	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	10	Ngày làm việc	7,75	2,25	22,50%	0,5	0,25	2,5	2	2,5	1,5	1,5	0,5	2	1			3	2	1	0,5
39	1.001499.H2 1	Phê duyệt tiến kết giáo dục	40	Ngày làm việc	32,75	7,25	18,13%	0,5	0,25	5	4	5,5	1,5	3	1	25	25					1	1
40	1.001496.H2 1	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	15	Ngày làm việc	5,25	9,75	65,00%	0,5	0,25	4	2	9	2	1	0,5							0,5	0,5
41	1.000716.H2 1	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu từ nước ngoài tại Việt Nam	30	Ngày làm việc	13,75	16,25	54,17%	0,5	0,25	13,5	5	3	1	2	0,5	5	3			4,5	3	1,5	1
42	1.000718.H2 1	Bỏ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu từ nước ngoài tại Việt Nam	20	Ngày làm việc	4,25	15,75	78,75%	0,5	0,25	3	2	15	1	1	0,5							0,5	0,5

43	1.001497.H2 1	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	10	Ngày làm việc	4,25	5,75	57,50%	0,5	0,25	4	2	4	1	1	0,5								0,5	0,5
44	1.006446.H2 1	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30	Ngày làm việc	12,25	17,75	70,21%	0,5	0,25	25	10	2	1	2	0,5								0,5	0,5
			20	Ngày	3,75	16,25		0,5	0,25	3	2	15	1	1	0,5									
45	3.000302.H2 1	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	30	Ngày	12,25	17,75	59,17%	0,5	0,25	23	10	2	1	4	0,5								0,5	0,5
46	3.000304.H2 1	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	30	Ngày	14,25	15,75	52,50%	0,5	0,25	4	2	2	1	4	0,5	19	10						0,5	0,5
47	3.000305.H2 1	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	20	Ngày	11,25	8,75	43,75%	0,5	0,25	14,5	7	1	1	1	0,5						2	2	1	0,5
48	3.000306.H2 1	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	25	Ngày	10,25	14,75	59,00%	0,5	0,25	17	5	1	1	1	0,5						4,5	3	1	0,5
49	1.012958.H2 1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	25	Ngày làm việc	10,25	14,75	59,00%	0,5	0,25	17	5	1	1	1	0,5						4,5	3	1	0,5
50	1.001495.H2 1	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20	Ngày làm việc	4,25	15,75	78,75%	0,5	0,25	3	2	15	1	1	0,5								0,5	0,5
51	1.001493.H2 1	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	25	Ngày làm việc	9,75	15,25	61,00%	0,5	0,25	12,5	5	4	1	3	0,5	4	2						1	1
52	3.000297.H2 1	Cho phép trường nâng cao kỹ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	30	Ngày làm việc	19,25	10,75	35,83%	0,5	0,25	17	5	1	1	1	0,5			19	12				0,5	0,5

64	I.012954.H2 I	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	7	Ngày làm việc	3,75	3,25	46,43%	0,5	0,25	3	1,5	2	1	1	0,5							0,5	0,5
65	I.012955.H2 I	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	25	Ngày làm việc	13,25	11,75	47,00%	0,5	0,25	15	7	2	1	1,5	0,5					4,5	3,5	1,5	1
66	3.000317.H2 I	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	20	Ngày làm việc	8,25	11,75	58,75%	0,5	0,25	13	6	2	1	4	0,5							0,5	0,5
67	3.000307.H2 I	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	20	Ngày làm việc	7,25	12,75	63,75%	0,5	0,25	17	5	1	1	1	0,5							0,5	0,5
68	I.012969.H2 I	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15	Ngày làm việc	8,25	6,75	45,00%	0,5	0,25	12	6	1	1	1	0,5							0,5	0,5
69	I.012970.H2 I	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	7	Ngày làm việc	4,25	2,75	39,29%	0,5	0,25	4	2	1	1	1	0,5							0,5	0,5
70	3.000309.H2 I	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	30	Ngày làm việc	12,25	17,75	59,17%	0,5	0,25	27	10	1	1	1	0,5							0,5	0,5
71	I.012961.H2 I	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	25	Ngày làm việc	12,25	12,75	51,00%	0,5	0,25	22	10	1	1	1	0,5							0,5	0,5
72	I.012965.H2 I	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	30	Ngày làm việc	17,25	12,75	42,50%	0,5	0,25	27	15	1	1	1	0,5							0,5	0,5
73	I.012966.H2 I	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	7	Ngày làm việc	4,25	2,75	39,29%	0,5	0,25	4	2	1	1	1	0,5							0,5	0,5

74	3.000308.H2 1	Giải thể trung tâm học tập công đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	25	Ngày làm việc	10,25	14,75	59,00%	0,5	0,25	22	8	1	1	1	0,5							0,5	0,5
75	1.012962.H2 1	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	10	Ngày làm việc	5,25	4,75	47,50%	0,5	0,25	7	3	1	1	1	0,5							0,5	0,5
76	1.012963.H2 1	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	25	Ngày làm việc	10,25	14,75	59,00%	0,5	0,25	22	8	1	1	1	0,5							0,5	0,5
77	1.012967.H2 1	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	30	Ngày làm việc	14,25	15,75	52,50%	0,5	0,25	27	12	1	1	1	0,5							0,5	0,5
78	1.012968.H2 1	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	20	Ngày làm việc	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	17	8	1	1	1	0,5							0,5	0,5
79	1.006444.H2 1	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	20	Ngày làm việc	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	17	8	1	1	1	0,5							0,5	0,5
80	1.006445.H2 1	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20	Ngày làm việc	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	17	8	1	1	1	0,5							0,5	0,5
81	1.012971.H2 1	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	20	Ngày làm việc	13	7	35,00%	0,5	0,5	17	10	1	1	1	1							0,5	0,5
82	1.012972.H2 1	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	7	Ngày làm việc	5	2	28,57%	0,5	0,5	4	2	1	1	1	1							0,5	0,5
83	1.012975.H2 1	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	10	Ngày làm việc	6,25	3,75	37,50%	0,5	0,25	7	4	1	1	1	0,5							0,5	0,5
84	1.012974.H2 1	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10	Ngày làm việc	6,25	3,75	37,50%	0,5	0,25	7	4	1	1	1	0,5							0,5	0,5
85	1.012973.H2 1	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	20	Ngày làm việc	10,25	9,75	48,75%	0,5	0,25	17	8	1	1	1	0,5							0,5	0,5
86	2.002756.H2 1	Thông báo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	10	Ngày	6,75	3,25	32,50%	0,5	0,25	5,5	3	1	1	1	0,5						2	1	

99	1.013757.H2 1	Sắp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	25	Ngày	11,25	13,75	55,00%	0,5	0,25	22	9	1	1	1	0,5								0,5	0,5
100	1.013762.H2 1	Cho phép chấm dứt hoạt động phần hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15	Ngày làm việc	9,75	5,25	35,00%	0,5	0,25	9,5	5	1	1	1	0,5						2	2	1	1
101	1.013754.H2 1	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	25	Ngày làm việc	11,25	13,75	55,00%	0,5	0,25	22	9	1	1	1	0,5								0,5	0,5
102	1.013761.H2 1	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15	Ngày làm việc	9,75	5,25	35,00%	0,5	0,25	9,5	5	1	1	1	0,5						2	2	1	1
103	2.000545.H2 1	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	30	Ngày làm việc	19,25	10,75	35,83%	0,5	0,25	24,5	14	1	1	1	1						2	2	1	1
104	1.008721.H2 1	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	30	Ngày làm việc	19,5	10,5	35,00%	0,5	0,5	24,5	14	1	1	1	1						2	2	1	1
105	1.001501.H2 1	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	30	Ngày làm việc	19,5	10,5	35,00%	0,5	0,5	24,5	14	1	1	1	1						2	2	1	1
106	1.008720.H2 1	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	30	Ngày làm việc	19,5	10,5	35,00%	0,5	0,5	24,5	14	1	1	1	1						2	2	1	1
107	2.000729.H2 1	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	20	Ngày làm việc	14	6	30,00%	0,5	0,5	14,5	8,5	1	1	1	1						2	2	1	1

[illegible]